

CTCP ĐTPT DV CTCC
ĐỨC LONG GIA LAI

Số: 46/CV-DL1

V/v CBTT Báo cáo thường niên năm 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 27 tháng 04 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai
2. Mã chứng khoán: DL1
3. Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, P. Trà Bá, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
4. Điện thoại: 02693 829 021 Fax: 02693 829 021
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Tường Cột
6. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo thường niên:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/04/2019 tại đường dẫn: <http://.dl1.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-thuong-nien> tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT+ BQHNDT

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Tường Cột

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ❁ ❁ ❁



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTPT DV CTCC ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, TP Pkeiku, Gia Lai

Mã số thuế: 5900437257

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	01
1. Thông tin khái quát	01
2. Quá trình hình thành và phát triển	01
a) Việc thành lập.....	01
b) Các sự kiện khác gắn với lịch sử hình thành và phát triển của công ty.....	03
c) Các sự kiện khác.....	06
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	07
a) Ngành nghề kinh doanh.....	07
b) Địa bàn kinh doanh.....	09
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	09
a) Mô hình quản trị - Cơ cấu bộ máy quản lý.....	09
b) Các công ty con, công ty liên kết.....	10
5. Định hướng phát triển	12
a) Các mục tiêu chủ yếu của công ty.....	12
b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	13
c) Các mục tiêu phát triển bền vững.....	14
6. Các rủi ro	14
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	16
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	16
a) Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.....	16
b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	18
2. Tổ chức và nhân sự	18
a) Danh sách Ban điều hành.....	18
b) Chính sách đối với người lao động.....	26
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn	27
a) Các khoản đầu tư lớn.....	27
b) Công tác xây dựng cơ bản khác.....	28
4. Tình hình tài chính	28
a) Tình hình tài chính.....	28
b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	29
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	30
a) Cổ phần.....	30
b) Cơ cấu cổ đông	30
c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	31
d) Giao dịch cổ phiếu quỹ.....	31
e) Các chứng khoán khác.....	31



6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	31
a)	Quản lý nguồn nguyên liệu được sử dụng.....	31
b)	Tiêu thụ năng lượng.....	31
c)	Tiêu thụ nước.....	32
d)	Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường.....	32
e)	Chính sách liên quan đến người lao động.....	32
f)	Chính sách liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	33
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	33
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	33
a)	Thuận lợi.....	34
b)	Khó Khăn.....	34
c)	Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018.....	34
2.	Tài hình tài chính.....	35
a)	Tình hình tài sản.....	35
b)	Tình hình nợ phải trả.....	36
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	38
a)	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý.....	38
b)	Các biện pháp kiểm soát.....	38
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	38
a)	Các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh 2019.....	38
b)	Kế hoạch đầu tư.....	39
5.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của cty	40
a)	Đối với môi trường.....	40
b)	Đối với cộng đồng và xã hội.....	40
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	41
1.	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty.....	41
a)	Công tác đầu tư	42
b)	Công tác khác.....	42
2.	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám Đốc.....	42
a)	Hoạt động giám sát.....	42
b)	Kết quả hoạt động giám sát.....	43
c)	Về công tác quản trị.....	43
d)	về năng suất lao động, điều hành, tổ chức sản xuất	43
e)	Về nguồn nhân lực	43
f)	Công tác tài chính	44
g)	Công nợ.....	44

: 7257-
TY
HỘI
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CP ĐTPT DV
CTCC ĐỨC LONG
GIÀ LAI
- 7

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.....	44
a) Các mục tiêu phân đầu.....	44
b) Định hướng phát triển các ngành nghề	45
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	45
1. Hội đồng quản trị.....	45
a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị.....	45
b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	46
c) Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	46
2. Ban kiểm soát.....	49
a) Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát.....	49
b) Hoạt động của Ban Kiểm soát.....	49
c) Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác..	51
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	51
a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích.....	51
b) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	52
KẾT LUẬN.....	53



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa Quý Cổ đông!

Trước tiên, thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (HNX: DL1), tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc tới quý cổ đông, khách hàng và đối tác đã đồng hành với Công ty trong suốt thời gian qua.

Công ty cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã qua 13 năm hình thành và phát triển, với nhiều thành tựu đạt được rất đáng trân trọng, Công ty luôn tự hào khi luôn giữ được giá trị cốt lõi trong 13 năm qua, dù phải đối mặt với nhiều biến động kinh tế vĩ mô trong nước. Và chính trong những thách thức khắc nghiệt của thị trường và những rủi ro tiềm ẩn của môi trường kinh doanh, Công ty luôn tìm thấy những cơ hội phát triển dựa trên những lợi thế cạnh tranh từ chính năng lực nội tại của mình.

Năm 2018, là năm Công ty tiếp tục có đà phát triển và tăng trưởng, khẳng định được dấu ấn riêng của mình trên hành trình sau 13 năm thành lập. Đối với lĩnh vực dịch vụ bến bãi phục vụ trực tiếp cho hoạt động giao thông vận tải, là một trong những mắt xích quan trọng nằm trong chuỗi cung ứng của dịch vụ Logistics, đã và đang trở thành một trong những ngành đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội hiện nay. Trong năm qua, dịch vụ vận chuyển hàng hóa ra vào bến của Công ty đã có những bước phát triển ổn định và đầy triển vọng, các Doanh nghiệp vận chuyển ngày càng tăng nhanh về số lượng, ngày càng tạo được uy tín cho các đối tác và người sử dụng có nhu cầu về đi lại và vận chuyển hàng hóa. Dù vậy, bên cạnh những nỗ lực nói trên của doanh nghiệp thì ngành dịch vụ bến bãi vận tải vẫn còn chịu nhiều sự tác động khách quan, dẫn tới những khó khăn nhất định trong hoạt động kinh doanh như: Sự biến động của giá xăng dầu, tình trạng tồn tại của bến cóc, xe dù, dịch vụ vận chuyển tự phát quy mô nhỏ, xe cá nhân phát triển ồ ạt và hàng không giá rẻ với tần suất bay ngày càng nhiều .v.v. đã ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt đối với các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường bộ, trong đó Công ty chúng ta không phải là ngoại lệ.

Ngoài các lĩnh vực ngành nghề truyền thống như bến xe, bãi đỗ, sản xuất và kinh doanh thương mại... đã và đang mang lại cho Công ty những thành công và luôn duy trì tăng trưởng ổn định trong thời gian qua. Từ năm 2018, một lĩnh vực khác mà công ty đã bổ sung ngành nghề và đang rất quan tâm đầu tư là hoạt động Bất động sản. Đây là lĩnh vực rất kỳ vọng sẽ mang lại cho Công ty nhiều thành



Công ty CPĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

công trong các năm tiếp theo. Đối với lĩnh vực này, Công ty đang tập trung hướng đến đối tượng số đông người mua có nhu cầu thực tế về giá trị và công năng của từng sản phẩm nhà ở. Đây là xu hướng rất tốt, có triển vọng và có tính khả thi cao, ngoài việc cung cấp cho thị trường và nhu cầu có thật về nhà ở cho số đông người tiêu dùng, hoạt động đầu tư về Bất động sản của Công ty còn rất phù hợp với chính sách hiện nay tại TP.HCM nói riêng và các thành phố lớn khác trong cả nước nói chung, ngoài việc góp phần giảm tải về hạ tầng đô thị tại các khu tập trung đông dân cư, thì việc hình thành các khu đô thị vệ tinh còn giúp kết nối hệ thống giao thông vành đai cũng như hệ thống tàu điện ngầm hiện đang thi công xây dựng tại TP. Hồ Chí Minh. Từ đó, mang lại không gian sống chất lượng hơn cho người dân, tăng cường năng lực giao thông, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương và lan tỏa kết nối liên thông qua các khu vực địa phương liên kết trong vùng.

Vì vậy trong năm 2019 này, Công ty tiếp tục phát huy những thành công đã được ghi nhận, đồng thời xây dựng các giải pháp kinh doanh phù hợp với thực tiễn và mang tính ổn định cao, củng cố và cấu trúc lại mọi nguồn lực để phát triển doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp và bền vững hơn nữa. Với triết lý “Doanh nghiệp chỉ tồn tại và phát triển khi tạo ra những giá trị phục vụ cho xã hội. Nhân sự chỉ thành công và hạnh phúc khi có những giá trị đóng góp cho doanh nghiệp, cho tổ chức”. Vì vậy Công ty xem việc tổ chức sản xuất tạo ra một sản phẩm, một dịch vụ có chất lượng như là một cam kết và yếu tố tất yếu, tạo ra niềm tin yêu của khách hàng và cộng đồng xã hội, từ đó hình thành những bước chuyển mình mạnh mẽ hơn nữa, đưa Công ty hướng đến mục tiêu “Nâng tầm cao mới - Vững tiến xa hơn”. Tất cả cán bộ nhân viên trong Công ty cùng nhau quyết tâm tạo dựng thương hiệu DL1 trở thành niềm tự hào không chỉ cho chúng ta, mà còn góp phần tạo ra nhiều giá trị vật chất, tinh thần cho toàn xã hội và sự nghiệp phát triển chung của đất nước.

Mong rằng quý vị cổ đông, các đối tác cùng với toàn thể cán bộ công nhân viên đoàn kết, hết sức tin tưởng, ủng hộ HĐQT, ban điều hành trên bước đường phát triển của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai.

Sau một năm đầy thành công với những kết quả hết sức lạc quan, tôi xin gửi lời chân thành cảm ơn đến các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát đã có những đóng góp thiết thực về chiến lược kinh doanh; Cảm ơn các đối tác và khách hàng đã đặc trọn niềm tin vào DL1; Cảm ơn toàn thể các cán bộ CNV vì sự nghiệp trung thành, cam kết đồng hành cùng công ty và nhất là xin cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của quý cổ đông. Thành công hôm nay của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai, là quyết tâm làm việc hết mình, làm việc đến cùng của nhiều thế hệ cán bộ, nhân viên và bước đầu



Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

đã hình thành một thương hiệu DL1 đã được khẳng định tên tuổi, khẳng định giá trị trên thị trường Việt Nam.

Để kết thúc những thông điệp đồng thời cũng là những lời cam kết hành động của tập thể HĐQT. Chúng tôi luôn đặt quyền lợi của cổ đông là mục tiêu phấn đấu cao nhất và cam kết sẽ luôn xứng đáng với sự tin cậy của Quý cổ đông, khách hàng và đối tác.

Xin trân trọng cảm ơn!



Nguyễn Tường Cột



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI.

Tên tiếng nước ngoài: DucLong GiaLai Investment and Development of Public project Service JSC.

Tên viết tắt: DLGL INDPS

Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp số: 5900437257

Vốn điều lệ: 1.011.773.530.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.011.773.530.000 đồng

Trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, P. Trà Bá, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: (84.269) 3829.021 Fax: (84.269) 3829.021

Website: <http://www.dl1.com.vn>

Email: admin@duclonggroup.com

Mã chứng khoán: DL1

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Việc thành lập

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai tiền thân là Chi nhánh Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia Lai thuộc Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3911000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 20/12/2005, thay đổi lần thứ 16 ngày số 5900437257 ngày 23/11/2017.

- Ngày 07/11/2006, Sở Giao thông Vận tải Tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 61/QĐ-SGTVT v/v xếp loại Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia lai đạt tiêu chuẩn Bến xe Loại I.

- Ngày 29/10/2009, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai đã được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

- Công ty chính thức được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000170 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 21/12/2007. Được thay đổi lần thứ 16 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900437257 vào ngày 23/11/2017. Tăng vốn điều lệ từ 168.924.880.000 đồng lên 1.011.773.530.000 đồng.

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

- Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 27/2010/GCNCP – VSD- 4 ngày 28/01/2010 với mã chứng khoán DL1, thay đổi lần 8 ngày 20/11/2017. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 10/03/2010.

Quá trình tăng vốn điều lệ

STT	Thời gian	Vốn điều lệ (Đồng)	Phương thức
1.	Ngày 21/12/2007	9.500.000.000	Góp vốn thành lập công ty.
2.	Ngày 16/10/2009	15.000.000.000	Phát hành riêng lẻ thêm 5,5 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ lên 15,0 tỷ đồng.
3.	Ngày 02/12/2010	18.000.000.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2009 là 300.000 Cổ phiếu tương đương với 3 tỷ đồng.
4.	Ngày 16/01/2012	20.699.940.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2010 là 269.994 cổ phiếu tương đương với 2.699.940.000 đồng.
5.	Ngày 06/12/2012	24.839.360.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2011 là 413.942 cổ phiếu tương đương với 4.139.420.000 đồng.
6.	Ngày 15/11/2013	28.564.540.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012 là 372.590 cổ phiếu tương đương với 3.725.900.000 đồng.
7.	Ngày 12/12/2014	31.420.260.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2013 là 285.572 cổ phiếu tương đương với 2.855.720.000 đồng.
8.	Ngày 01/04/2016	152.186.560.000	Phát hành 12.076.630 cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi với Công ty CP khoáng sản và luyện kim Tây Nguyên

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

			tương đương với 120.766.300.000 đồng.
9.	Ngày 29/07/2016	168.924.880.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2015 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là 1.673.832 cổ phiếu tương đương 16.738.320.000 đồng.
10.	23/11/2017	1.011.773.530.000	Số lượng chào bán cổ phiếu ra công chúng đã phân phối: 84.284.865 cổ phiếu, chiếm 99,79% tổng số cổ phiếu được phép chào bán. Số tiền thu được từ việc bán cổ phiếu 842.848.650 đồng tăng vốn điều lệ từ 168.924.880.000 đồng lên 1.011.773.530.000 đồng.

b) Các sự kiện khác gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

Đợt 1: Góp vốn thành lập Công ty

- Căn cứ Biên bản họp cổ đông sáng lập ngày 29/11/2007 về việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

- Số vốn góp: 9.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ năm trăm triệu đồng).
- Số cổ đông sáng lập: 04 cổ đông
- Vốn điều lệ: 9.500.000.000 đồng
- Trong đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai góp 8,2 tỷ đồng bằng giá trị tài sản thuộc Bến xe Đức Long Gia Lai theo Biên bản góp vốn ngày 08/01/2007 (không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất).

Đợt 2: Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng

- Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2009 ngày 15/09/2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

- Số cổ phần phát hành: 5.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ năm trăm triệu đồng).

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ (cho 94 cổ đông)
- Đối tượng phát hành:

CBCNV Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- o Số lượng: 337.200 cổ phần.
- o Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- o Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- o Số lượng cổ đông: 35 người.

CBCNV Công ty:

- o Số lượng: 55.000 cổ phần.
- o Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- o Số lượng cổ đông: 48 người.

Nhà đầu tư khác:

- o Số lượng: 157.800 cổ phần.
- o Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- o Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- o Số lượng cổ đông: 11 người.

- **Vốn điều lệ sau phát hành:** 15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng)

Đợt 3: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 10:2 nhằm tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng.

Niêm yết:

- Ngày 10/03/2010, Công ty chính thức niêm yết 1.500.000 cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội (HNX) với mã Chứng khoán là DL1.

- Ngày 02/12/2010, ngày giao dịch đầu tiên của 300.000 Cổ phiếu chia cổ tức để tăng vốn điều lệ Công ty lên 18 tỷ đồng.

Đợt 4: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 20:3 nhằm tăng vốn điều lệ từ 18 tỷ lên 20.699.940.000 VND.



Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

Đợt 5: Chia trả cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 10:2 nhằm tăng vốn điều lệ từ 20.699.940.000 VND lên 24.839.360.000 đồng.

Đợt 6: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 20:3 nhằm tăng vốn điều lệ từ 24.839.360.000 đồng lên 28.564.540.000 đồng.

Đợt 7: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 10:1 nhằm tăng vốn điều lệ 28.564.540.000 từ đồng lên 31.420.260.000 đồng.

Đợt 8: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi cổ phần:

- Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2015 số 01-NQ-ĐHCĐ ngày 29/05/2015 và Nghị quyết ĐHCĐ số 02-NQ-ĐHCĐ ngày 26/10/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

- Số cổ phiếu phát hành: 12.076.630 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng một năm.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ.
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ để hoán đổi cổ phần.
- Đối tượng phát hành:

Công ty Cổ phần Khoáng sản và luyện kim Tây Nguyên

- o Số lượng: 12.076.630 cổ phần.
- o Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng một năm.
- o Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- o Số lượng cổ đông: 16 người.
- **Vốn điều lệ sau phát hành:** 152.816.560.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi hai tỷ, tám trăm mười sáu triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

Đợt 9: Chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư cho Cổ đông hiện hữu:

- Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 100:5,5
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 100:5,5
- Nhằm tăng vốn điều lệ từ 152.816.560.000 đồng lên 168.924.880.000 đồng.

Đợt 10: Số lượng chào bán cổ phiếu ra công chúng đã phân phối: 84.284.865 cổ phiếu, chiếm 99,79% tổng số cổ phiếu được phép chào bán.

Công ty CPĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

- Số tiền thu được từ việc bán cổ phiếu 842.848.650 đồng. Tăng vốn điều lệ từ 168.924.880.000 đồng lên đồng 1.011.773.530.000 đồng:

- Mua lại vốn góp Công ty TNHH SX-TM-DV Đồng Phú Hưng: 197.573.800.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 98,787%.
- Mua lại vốn góp Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng Vạn Gia Long 5.880.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 98%.

c) Các sự kiện khác

- Trả trước cho Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát theo Hợp đồng thi công xây dựng số 11/HĐXD/VGL-DLG.VGP ngày 08/03/2018 về việc thi công phần móng cọc và tầng hầm khu nhà ở cao tầng Đức Long The Elysium tại Lô B2 Nam Phú Nhuận, Đường Gò Ô Môi, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trả trước cho ông Nguyễn Thanh Lâm để nhận chuyển nhượng các quyền sử dụng đất liên quan đến dự án trên, bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 02/2017/HĐ.CNQSDĐ ngày 14/08/2017 tại Khu đất Dự án đường Gò Ô Môi, phường Phú Thuận, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Hợp đồng đặt cọc về việc hứa chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 03/HĐ-ĐCHMHB ngày 02/06/2018 tại Khu đất Dự án đường Gò Ô Môi, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và Biên bản thỏa thuận hứa mua bán đất tại Khu đất dự án đường Gò Ô Môi, phường Phú Thuận, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/06/2018 giữa ông Nguyễn Thanh Lâm, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long và ông Bùi Pháp.

- Cho đến nay, dự án vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện hồ sơ pháp lý và chưa được triển khai thực hiện.

- Công ty trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai liên quan đến dự án Trung tâm thương mại và dịch vụ cao cấp Sunshine Apartment theo các hợp đồng:

- Hợp đồng thi công xây dựng số 01/2017/HĐXD/VGL-DLGL.CIN ngày 01/04/2017 và Phụ lục Hợp đồng số 1A/2018/VGL-DLGL ngày 15/07/2018 về thi công phần móng, hầm, thân và xây tô;

- Hợp đồng thi công xây lắp số 17/2018/HĐXD/VGL-DLGL.CIN ngày 28/03/2018 về tổng thầu hạng mục hoàn thiện;

- Hợp đồng thi công xây lắp số 18/2018/HĐXD/VGL-DLGL.CIN ngày 30/03/2018 về tổng thầu hạng mục cung cấp vật tư, thiết bị và thi công hệ thống



điện và hệ thống nước (M&E).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.

Chi tiết:

- ✓ Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước;
- ✓ Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- ✓ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- ✓ Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Chi tiết:

- ✓ Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu
- ✓ Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ.
- ✓ Vận tải hành khách bằng đường bộ khác

Chi tiết:

- ✓ Vận tải hành khách theo tuyến cố định.
- ✓ Dịch vụ ăn uống khác.
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

Chi tiết: + Vận tải hành khách bằng xe buýt.

- ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- ✓ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- ✓ Vận tải bằng xe buýt;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- ✓ Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- ✓ Buôn bán tổng hợp.
- ✓ Chi tiết: Buôn bán hàng tiêu dùng;

Công ty CPĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

- ✓ Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc;
- ✓ Bán buôn kim loại và quặng kim loại.
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không mua bán gỗ);
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- ✓ Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- ✓ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT);
- ✓ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- ✓ Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc;
- ✓ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
- ✓ Chi tiết: Mua bán phân bón;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- ✓ Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá.
- ✓ Xây dựng nhà các loại.
- ✓ Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- ✓ Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- ✓ Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn cà phê;
- ✓ Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- ✓ Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- ✓ Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ✓ Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (không hoạt động đấu giá);
- ✓ Hoạt động thiết kế chuyên dụng.

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

- ✓ Chi tiết: Trang trí nội thất;
- ✓ Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- ✓ Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh;
- ✓ Trồng rừng và chăm sóc rừng.
- ✓ Chi tiết: Trồng rừng;
- ✓ Đại lý, môi giới, đấu giá.
- ✓ Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- ✓ Trồng cây lâu năm khác.
- ✓ Chi tiết: Trồng cây công nghiệp;
- ✓ Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
- ✓ Chi tiết: Chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở);
- ✓ Nuôi trồng thủy sản nội địa.
- ✓ Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.
Chi tiết: Dịch vụ thương mại;
- ✓ Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu.
- ✓ Chi tiết: Chế biến thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống);
- ✓ Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục).
- ✓ Chi tiết: May thêu công nghiệp;
- ✓ Sản xuất các loại dây bện và lưới.
- ✓ Chi tiết: Dệt các loại dây phục vụ ngành may như: Dây luồn áo, dây cột giày, dây lõi để dệt dây khóa kéo;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.
- ✓ Chi tiết: Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; Hoạt động của các ngầm đường thủy.

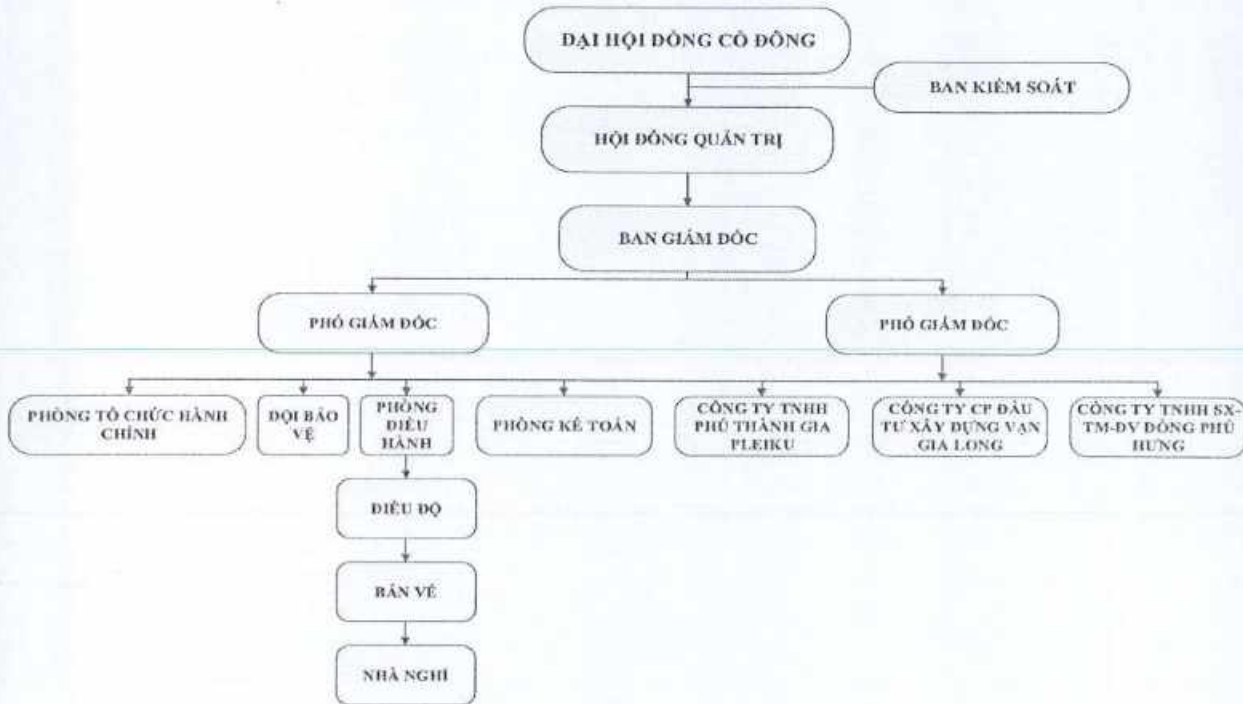
b) Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh được thực hiện chủ yếu trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

a) Mô hình quản trị - Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty CPĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai



b) Các công ty con, công ty liên kết

Danh sách các Công ty con được hợp nhất (gồm 3 công ty)

- Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku

+ Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

+ Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không mua bán gỗ); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mua bán phân bón); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

+ Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80%.

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80%.

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

+ Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long

+ Địa chỉ trụ sở chính: 149 – 151 đường 9A KDC Trung Sơn, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, chuẩn bị mặt bằng, xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, lắp đặt hệ thống điện; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động thiết kế chuyên dụng, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Trồng rừng và chăm sóc rừng, trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Bán buôn nông, lâm nguyên liệu (từ tre gỗ, nứa, động vật sống); Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu; Khai thác gỗ, bán lẻ lương thực, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán buôn thực phẩm.

+ Vốn điều lệ: 800.000.000.000 đồng.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98,5%.

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98,5%.

+ Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

- Công ty TNHH SX – TMDV Đồng Phú Hưng

+ Địa chỉ trụ sở chính: 149 – 151 đường 9A KDC Trung Sơn, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng nhà các loại; Đại lý, môi giới, đấu giá; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Trồng cây lâu năm khác; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Sản xuất các loại dây bện và lưới.

+ Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98,787%.

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98,787%.

+ Tình trạng hoạt động: Thoái vốn ngày 06/06/2018.

C. O. X. 1/2/1

5. Định hướng phát triển

Với định hướng phát triển công ty nhằm ổn định, bền vững, không ngừng nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên, khẳng định giữ vững vai trò là đơn vị cung cấp vận tải hành khách công cộng chủ lực của thành phố. Đồng thời, là công ty tiên phong trong việc tổ chức lại mô hình, chủ động thay đổi phương thức quản lý điều hành và áp dụng các công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, với mục tiêu thu hút ngày càng đông đảo người dân thành phố sử dụng phương tiện vận tải công cộng của mình. Đem lại giá trị cao cho cuộc sống người lao động với mức thu nhập tốt với văn hóa doanh nghiệp tốt, môi trường làm việc thân thiện, bình đẳng, đoàn kết.

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận các chỉ tiêu của năm 2019 và các năm tiếp theo do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Công ty phấn đấu trở thành nhà đầu tư chuyên nghiệp, có uy tín trong lĩnh vực bất động sản tại khu vực miền Trung và tiến đến mở rộng thị trường ra cả nước.

- Chất lượng và sáng tạo mang lại giá trị cho khách hàng chính là chất lượng công ty cam kết thực hiện trong suốt quá trình hoạt động của mình nhằm duy trì sự phát triển bền vững, tăng giá trị doanh nghiệp, mang lại giá trị cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.

- Phục vụ khách hàng đảm bảo tiêu chí an toàn, đúng giờ, thân thiện, sang trọng. Công ty luôn trân trọng ghi nhận và nâng cao sự tin nhiệm của khách hàng với phương châm "CHUYÊN NGHIỆP - VĂN MINH"

• Công tác phục vụ:

- Nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp vận tải và các đối tác hoạt động. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài khu vực bến xe;

• Công tác phối hợp với các lực lượng chức năng:

- Phối hợp với các lực lượng Công an kiểm tra và ngăn chặn việc vận chuyển chất nổ, chất cháy, hàng cấm, hàng giả, triệt phá các tệ nạn xã hội như cờ bạc, cờ mồi, rê dắt khách... Ngăn chặn và xử lý kịp thời các đối tượng gây rối trên các bến xe và thực hiện tốt công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Phối hợp tốt với các cơ quan chức năng, cơ quan truyền thông để xử lý các phương tiện vi phạm và đưa vào bến hoạt động đúng quy định, đảm bảo công bằng cho các doanh nghiệp và nhà xe, lập lại trật tự an toàn giao thông và an ninh trật tự trên địa bàn thành phố, đưa xe vào bến hoạt động để tăng doanh thu cho Công ty.

• **Công tác điều hành**

- Bên xe tăng cường công tác kiểm tra phương tiện theo nghị định: 86/2014NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ và các quy định hiện hành của ngành giao thông, quy định của Công ty;

- Tăng cường công tác kiểm tra các quầy dịch vụ ăn uống, kí cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Công ty tổ chức thu phí đối với các phương tiện ra vào công: taxi, xe con đưa đón khách, xe thô chờ hàng,... dịch vụ bên bãi vừa đảm bảo an ninh trật tự và an toàn giao thông, tránh ùn tắc trước cổng ra vào bến xe, giữ gìn vệ sinh công cộng, tạo sự yên tâm cho khách đến mua vé cũng như đưa đón người nhà;

- Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và nâng cao đời sống của người lao động.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Định hướng phát triển của Công ty trong năm tài chính 2019 nói riêng và trong giai đoạn 2018 – 2023 là phù hợp với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước. Công ty luôn quan sát và đưa ra những chủ trương xây dựng chiến lược giá cả phù hợp với chất lượng sản phẩm và dịch vụ mang lại cho khách hàng.

- **Dịch vụ vận chuyên:** Đóng vai trò chủ lực trong phục vụ Vận tải Hành khách Công cộng đáp ứng tốt nhất nhu cầu đi lại của người dân, góp phần phát triển tỉnh Gia Lai, phát triển dịch vụ đưa rước công nhân, vận tải hành khách theo hợp đồng. Đóng mới - bảo dưỡng sửa chữa xe phục vụ nhu cầu đi lại thường xuyên của người dân. Đem lại giá trị cao cho cuộc sống người lao động với mức thu nhập tốt với văn hóa doanh nghiệp tốt, môi trường làm việc thân thiện, bình đẳng, đoàn kết.

- **Dịch vụ bến bãi:** Phát triển các dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho phương tiện vận tải đường bộ; Phát triển các loại hình dịch vụ khác như cho thuê kiốt, cho thuê kho hàng hóa, cho thuê văn phòng và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

- **Kinh doanh đậu nành:** Công ty luôn kiểm soát chất lượng sản phẩm một cách nghiêm ngặt trong suốt quá trình thu hoạch, thu mua, lưu trữ, vận chuyển nội địa. Vì vậy, công ty rất tự tin trong việc cung cấp sản phẩm chất lượng và giá cả cạnh tranh.

- **Kinh doanh mua bán đá:** Công ty thi công đều được đã qua các khâu chọn lọc kỹ nên chất lượng tốt, đạt được các tiêu chuẩn quốc tế về độ bóng, độ hút nước, độ bền nén, độ bền uốn và độ mài mòn. Không ngừng nâng cao chất lượng cũng như mẫu mã, nhằm mang đến tay khách hàng những sản phẩm ưng ý nhất.

- **Kinh doanh mua bán phân bón:** Phân bón NPK đem tới cho nông dân giải pháp canh tác hiệu quả nhất thông qua sản phẩm tốt và qui trình tối ưu hóa trong

Công ty CP DTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

thâm canh cây trồng để đem lại mùa vàng bội thu và đời sống sung túc cho nông dân các khu vực.

- **Công trình xây lắp:** Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã hoạch định hướng đi của công ty là xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp đặc biệt là tập trung vào xây dựng vào các công trình trường học, bệnh viện và chung cư cao tầng đây là các loại hình mà Công ty có thế mạnh về kinh nghiệm và kỹ thuật thi công.

- **Bất động sản:** Theo QĐ số 06/QĐ-HĐQT-DL1, ngày 06/06/2018 Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai góp thêm 200.000.000 đồng vào Công ty CP Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long, sau khi hoàn tất việc góp công ty đã sở hữu 7.880.000 Cổ phần với tổng mệnh giá 788.000.000.000 đồng, chiếm 98,5% vốn điều lệ tại Công ty CP Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long là công ty đang sở hữu các dự án Bất động sản tiềm năng với các vị trí đắc địa tại quận 7 và quận 8 tại TP.HCM, với việc xây dựng đội ngũ nhân viên mô giới, tư vấn bất động sản chuyên nghiệp, tận tâm, thân thiện và tin cậy đối với khách hàng. Dự án Bất động sản là bước đi đầu tiên đánh dấu sự hiện diện của thương hiệu DL1 trên thị trường bất động sản TP.HCM.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững

- Công ty luôn thu hút nguồn nhân lực lớn, giúp giải quyết vấn đề việc làm cho nhiều người trong địa phương cũng như các tỉnh lân cận.

- Chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở Trung ương và địa phương. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ hành khách và các Doanh nghiệp vận tải; xây dựng thái độ, tác phong ứng xử chuẩn mực của cán bộ nhân viên.

- Thực hiện tốt các quy định của nhà nước về việc bảo vệ môi trường.

- Trong lĩnh vực bất động sản cùng với chiến lược phù hợp và tư duy đúng đắn, “DL1” ngày càng được khẳng định vững chắc trên thị trường. Trong những năm gần đây Công ty cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã từng bước, từng bước phát triển thành công ty bất động sản uy tín ở thị trường phía Nam nói riêng và cả nước nói chung.

6. Các rủi ro

Năm 2018, dưới những tác động tiêu cực của nền kinh tế trên thế giới và trong nước cũng ảnh hưởng trực tiếp đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

Thời tiết: Diễn biến ngày càng phức tạp cũng sẽ là những yếu tố rủi ro cho hoạt động kinh doanh vận tải khách,... ảnh hưởng trực tiếp đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó các doanh nghiệp vận tải được xem là một trong những ngành chịu nhiều tác động.

Rủi ro về kinh tế: Khi nền kinh tế suy thoái, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống người dân gặp nhiều khó khăn thì nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách cũng giảm sút, gây khó khăn cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải, mà vận tải là ngành nghề kinh doanh chính của công ty.

Rủi ro đặc thù: Tai nạn giao thông là rủi ro thường trực đến với bất kỳ doanh nghiệp nào trong lĩnh vực kinh doanh vận tải, nó gây ra tổn thất không nhỏ về kinh tế và nhân sự cho doanh nghiệp, rủi ro này có thể xảy ra vào thời điểm bất kỳ ngoài ý muốn chủ quan của công ty, mặc dù công ty đã có nhắc nhở giáo dục thường xuyên đối với đội ngũ lái xe của công ty, đồng thời có mua bảo hiểm theo quy định của Nhà Nước nhằm hạn chế tổn thất tai nạn giao thông.

Rủi ro từ cạnh tranh: Các Doanh nghiệp vận tải lớn với lợi thế tiềm lực tài chính mạnh và quy mô lớn, đang ngày càng chiếm lĩnh thị phần lớn trên thị trường. Công ty sẽ chịu sự cạnh tranh gay gắt, thị phần còn thấp chưa dùng hết năng lực hiện có, nên hiệu quả kinh doanh đạt được chưa cao

Rủi ro luật pháp: Nhà nước và ngành giao thông vận tải đã ban hành nhiều quy định pháp luật nhằm xây dựng và củng cố trật tự giao thông, từ đó ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải.

Rủi ro gian lận: Công ty chịu trách nhiệm quản lý các dịch vụ bốc dỡ hàng hóa nên công tác giám sát chặt chẽ, đảm bảo không xảy ra tình trạng quá khổ, quá tải, mất mát, thiệt hại hàng hóa hay ngăn chặn tình trạng kinh doanh các mặt hàng cấm như rượu lậu, hàng hóa gây cháy nổ, động vật hoang dã là những khó khăn đòi hỏi Công ty phải luôn đề ra các giải pháp phòng ngừa hiệu quả, nâng cao uy tín, chất lượng hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro đối với ngành kinh doanh bến xe và bãi đỗ: Với đặc điểm của ngành là chỉ cần đầu tư lần đầu và tiếp tục công tác duy tu, thu phí nên đây là ngành ổn định ít bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế. Ngoài ra, với hình thức đầu tư “Nhà nước và tư nhân cùng làm” giúp cho hoạt động của công ty đảm bảo lâu dài, không bị ảnh hưởng bởi chính sách. Dòng tiền của ngành vẫn ổn định do nhu cầu đi lại của người dân vẫn cao. Do đó đây là ngành ít rủi ro và có nguồn thu ổn định.

Rủi ro về ngành kinh doanh bất động sản: Chiến lược tiến chậm nhưng vững chắc cùng với nắm bắt thị trường cũng như mọi biến động trong kinh doanh bất động sản đã giúp Công ty khẳng định vị thế của mình. Mặc dù trong năm trước

ĐỨC LONG
GIANG
CÔNG TY
VẬN TẢI

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

bất động sản vẫn chưa có dấu hiệu khởi sắc, nhưng điều đó không làm cản trở những bước tiến bền vững của doanh nghiệp này.

Rủi ro khác: Một vài rủi ro mang tính hệ thống nên khi xảy ra, Công ty vẫn không thể tránh khỏi: thiên tai, ô nhiễm môi trường,... gây thiệt hại về tài sản, con người có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu bằng việc luôn chú trọng đề phòng, xây dựng các giải pháp ứng phó trong trường hợp xấu nhất.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a). Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
1	Doanh thu thuần	233.290.966.243	184.438.455.334	-20,9%
2	Giá vốn hàng bán	215.700.207.816	172.715.240.214	-19,9%
3	Lợi nhuận gộp	17.590.758.427	11.723.215.120	-33,4%
4	Doanh thu từ hoạt động tài chính	11.899.288.630	62.943.319.689	429%
5	Chi phí hoạt động tài chính	2.968.812.854	16.954.494.622	471,1%
6	Chi phí bán hàng	1.233.848.535	1.248.812.652	1,2%
7	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	4.532.893.672	9.040.976.847	99,5%
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	20.754.491.996	47.422.250.688	+128,5%
9	Lợi nhuận khác	(301.280.674)	(22.082.546.485)	+7,23%
10	Lợi nhuận trước thuế	20.453.211.322	25.339.704.203	+23,9%
11	Lợi nhuận sau thuế	15.003.753.442	18.672.075.329	+24,4%



Công ty CPĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

12	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	533	179	-66,4%
----	----------------------------	-----	-----	--------

Thương mại dịch vụ

- Năm 2018, Nhà nước tiếp tục đầu tư cho cơ sở hạ tầng, tập trung hoàn thiện các công trình kết cấu hạ tầng giao thông trên tất cả các lĩnh vực từ đường bộ - đường sắt - cảng biển - đường thủy và hàng không; đồng thời đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhằm chấn chỉnh và đưa hoạt động kinh doanh vận tải vào nề nếp.

- Hiện tại Công ty đã xây dựng hệ thống nhà nghỉ với hơn 30 phòng nghỉ được trang bị đầy đủ tiện nghi: Điều hòa nhiệt độ, nóng lạnh, truyền hình cáp,... đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi của khách đi xe và lái phụ xe sau những chuyến đi dài mệt mỏi. Đầu tư hơn 50 kiốt cho các hộ kinh doanh thuê để bán hàng, kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh giải khát, dịch vụ rửa xe. Có khu dãy nhà vệ sinh công cộng phục vụ cho việc sinh hoạt cá nhân của hành khách, nhằm đáp ứng một cách đầy đủ nhất các loại hình dịch vụ cho khách đi xe và lái, phụ xe.

- Tại các bến xe Đức Long Gia Lai của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai dịch vụ trông giữ xe luôn được triển khai 24h/24h, tiện lợi cho người gửi xe, đảm bảo an toàn tuyệt đối khi gửi phương tiện tại các bến xe.

Công trình xây lắp

Ban Điều hành đã bám sát chỉ đạo và kế hoạch kinh doanh của HĐQT, linh hoạt trong chiến lược phát triển công trình xây lắp, chiến lược thị trường kinh doanh nhằm đưa hoạt động sản xuất kinh doanh đạt đúng tiến độ đề ra, tuy nhiên do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan thì sự phát triển cố gắng của công ty mẹ chưa thể bù đắp sự giảm sút mạnh ở công ty con dẫn đến kết quả kinh doanh giảm so với năm 2017.

Kinh doanh bất động sản

- Một lĩnh vực khác mà công ty đã bổ sung ngành nghề và đang rất quan tâm đầu tư là hoạt động Bất động sản. Đây là lĩnh vực rất kỳ vọng sẽ mang lại cho Công ty nhiều thành công trong năm tới và các năm tiếp theo.

- Đối với lĩnh vực này, Công ty đang tập trung hướng đến đối tượng số đông người mua có nhu cầu thực tế về giá trị và công năng của từng sản phẩm nhà ở. Qua đó, Công ty đang tập trung đẩy mạnh đầu tư các dự án bất động sản đã khảo sát và thực hiện đầu tư tại thành phố Hồ Chí Minh, đang tập trung hoàn thiện các phương án thiết kế, hứa hẹn trong thời gian sớm nhất công ty sẽ ra mắt các sản

phẩm Bất động sản theo từng phân khúc thị trường, đem đến nhiều lựa chọn hơn cho người mua bằng các sản phẩm nhà ở có nhiều sự khác biệt, có tính cạnh tranh rất lớn về công năng và thiết kế...

- Hoạt động đầu tư về Bất động sản của Công ty còn rất phù hợp với chính sách hiện nay tại TP.HCM nói riêng và các thành phố lớn khác trong cả nước nói chung, ngoài việc góp phần giảm tải về hạ tầng đô thị tại các khu tập trung đông dân cư, thì việc hình thành các khu đô thị vệ tinh còn giúp kết nối hệ thống giao thông vành đai cũng như hệ thống tàu điện ngầm hiện đang thi công xây dựng tại TP. Hồ Chí Minh. Từ đó, mang lại không gian sống chất lượng hơn cho người dân, tăng cường năng lực giao thông, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương và lan tỏa kết nối liên thông qua các khu vực địa phương liên kết trong vùng.

- Trở thành Doanh nghiệp đầu tư bất động sản, công trình xây lắp, kinh doanh bến xe lớn và trở thành nhà đầu tư lớn trong giai đoạn 2018-2023 và các năm tiếp theo.

b). Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Trước những khó khăn, HĐQT đã đề ra những chủ trương giải quyết kịp thời những vướng mắc từ thực tế, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, tập trung mọi nguồn lực, chủ động đề ra nhiều giải pháp thích hợp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã đề ra.

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch Năm 2018	Thực hiện Năm 2018	TH 2018/KH
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	300	184	61,48%
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập	50	18	36,23%

Từ kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 cho thấy: Doanh thu đạt 61,48% so với kế hoạch năm 2018 là nhờ nỗ lực của Ban điều hành và đội ngũ CBCNV trong việc đẩy mạnh các hoạt động thương mại dịch vụ. Do việc đề ra kế hoạch chi phí chưa thật khách quan cũng như việc kiểm soát chi phí chưa hiệu quả đã dẫn đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu lợi nhuận năm 2018 còn khá thấp so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, kết quả đạt được cũng đã thể hiện sự tăng trưởng vượt bậc.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

Hội đồng quản trị gồm:

Stt	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Tường Cột	Chủ tịch HĐQT	965.700	0,954%	
2	Hồ Hoàng Đức Huy	Thành viên HĐQT	0	0	
3	Nguyễn Tuyển	Thành viên HĐQT	0	0	
4	Chu Sỹ Hoạt	Thành viên HĐQT	2.553	0,003%	
5	Lý Duy Anh	Thành viên HĐQT	0	0	

❖ Ông Nguyễn Tường Cột: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tỷ lệ sở hữu 0,954% cổ phần có quyền biểu quyết.

Sinh năm: 10/10/1984

Nguyên quán: Ân Đức, Hoài Ân, Bình Định

Cư trú: Ân Đức, Hoài Ân, Bình Định

Trình độ: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ 2006 – 8/2015: Làm việc tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai;

Từ 9/2015 – 4/2016: Cán bộ phòng kế hoạch điều độ Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai;

Từ 5/2016 – Nay: Giám đốc Công ty Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai;

Từ 07/2017 – 04/2018: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai.

Từ 04/2018 – Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai.

❖ Ông Hồ Hoàng Đức Huy: Thành viên Hội đồng quản trị.

Tên: Hồ Hoàng Đức Huy

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

Sinh năm: 02/01/1977
Nguyên quán: Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định
Cư trú: 217 Lô C4- Chung cư Khang Gia, Phan Huy Ích,
Phường 14, Quận Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 06/1999 – 2000: Công ty PyThis - Một công ty phần mềm ERP-ORACLE (HCM)
- Từ 2000 – 06/2001: Công ty Diginet – Một Công ty phần mềm ERP, phần mềm kế toán LEMON 3 (HCM)
- Từ 2001 – 2010: CV Sở Tài chính tỉnh Gia Lai
- Từ 2005 – 2012: Công ty cổ phần CNM
- Từ 2012 – 06/2014: Công ty cổ phần ĐT-SX-TM Huy Tuấn
- Từ 06/2014 – 2016: Công ty Đá hoa cương Ngọc Thạch Mỹ
- Từ 04/2016 – 4/2017: Công ty TNHH ĐT-XD-BDS Phú Gia Huy
- Từ 07/2017 - Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần DDPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.

❖ Ông Nguyễn Tuyển: Thành viên Hội đồng quản trị.

Tên: Nguyễn Tuyển
Sinh năm: 04/04/1961
Nguyên Quán: Thành phố Huế
Cư trú: 214 Phan Đình, Giót, TP Pleiku, Gia Lai
Trình độ: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

- Từ 05/1987- 04/1989: Phó Văn phòng ủy ban huyện An Khê
- Từ 04/1989 – 06/1993: Giám Đốc xí nghiệp giấy tại An Khê.
- Từ 06/1993 – 12/1996: Trạm trưởng Trạm trồng rừng An Khê
- Từ 12/1996 – 01/2004: Phó trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính huyện An Khê.
- Từ 11/2004 – 11/2009: Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện Đak Pơ.

Công ty CP ĐTPPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

- Từ 11/2009 – Nay: Chánh Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- Từ 4/2017- Nay: Ủy viên HĐQT Công ty CP ĐTPPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.

❖ Ông Chu Sỹ Hoạt: Thành viên Hội đồng quản trị. Tỷ lệ sở hữu 0,003% cổ phần có quyền biểu quyết.

Tên: Chu Sỹ Hoạt

Sinh năm: 25/10/1972

Nguyên quán: Hà Tĩnh

Cư trú: Tổ 4, P. Thắng Lợi, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Trình độ: Cao đẳng

Quá trình công tác

- Từ năm 2001 -2005: Trưởng phòng bán vé - Bến xe Liên tỉnh Gia Lai

- Từ 01/20016 – 2008: Kế hoạch điều độ - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

- Từ 2008-06/2009: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai

- Từ 07/2009 – 10/2009: Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Đức Long Gia Lai

- Từ 10/2009 – 2014: Cán bộ phòng Kế hoạch điều độ - Công ty Công ty CP ĐTPPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

- Từ 2014 – 5/2016: Giám đốc Công ty Công ty CP ĐTPPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

- Từ 5/2016 - Nay: Phó Giám đốc Công ty CP ĐTPPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

- Từ 05/2017 – Nay: Ủy viên HĐQT Công ty CP ĐTPPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.

❖ Ông Lý Duy Anh: Thành viên Hội đồng quản trị.

Tên: Lý Duy Anh

Sinh năm: 24/01/1981

Nguyên quán: TP Hồ Chí Minh

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

Cư trú: 91/50 Đinh Tiên Hoàng, P.3, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- Từ 2003 – 2005: Nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương
- Từ 2008 – 2011: Phó phòng Tư vấn doanh nghiệp Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Từ 2011 – 2015: Phó Giám đốc Đầu tư kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
- Từ 2015 – 2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Hỗ Trợ Minh Nguyên
- Từ 2017 – 04/2018: Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai - Nhà máy DLG ANSEN
- Từ 04/2018 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai.

Ban kiểm soát gồm:

Stt	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Võ Sỹ Việt	Trưởng ban kiểm soát	0	0	
2	Trần Thị Kim Cúc	Thành viên ban kiểm soát	2.555	0,003%	
3	Vũ Văn Nghĩa	Thành viên ban kiểm soát	0	0	

❖ Ông Võ Sỹ Việt: Trưởng ban kiểm soát.

Tên: Võ Sỹ Việt

Sinh năm: 10/11/1975

Nguyên quán: Phúc Trạch – Hương Khê – Hà Tĩnh

Cư trú: 04/44 Tuệ Tĩnh, P.Iakring, Tp.Pleiku, Gia Lai

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

Trình độ: Trung cấp tài chính kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 12/2000 – 9/2002: Quyền Kế toán trưởng Công ty Thương Mại Huyện Chư Prông
- Từ 10/2002 – 05/2006: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Thương Mại Tây Gia Lai
- Từ 06/2006- 10/2009: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thương Mại Tây Gia Lai
- Từ 11/2009 – 12/2013: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Gạch Tuyển Bát Trảng Gia Lai
- Từ 01/2014 – 01/2016: Phó giám đốc kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản và VLXD Gia Lai
- Từ 5/2017 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai

❖ **Bà Trần Thị Kim Cúc: Thành viên Ban kiểm soát. Tỷ lệ sở hữu 0,003% cổ phần có quyền biểu quyết**

Tên: Trần Thị Kim Cúc
Sinh năm: 15/07/1982
Nguyên quán: Ân Tường Đông - Hoài Ân- Bình Định
Cư trú: Phường Trà Bá – Tp. Pleiku – tỉnh Gia Lai.
Trình độ: Kế toán viên.

Quá trình công tác:

- Từ 2006 - 2014: Nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai
- Từ 2009-05/2017: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai
- Từ 05/2017 - Nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai.

❖ **Ông Vũ Văn Nghĩa: Thành viên Ban kiểm soát.**

Tên: Vũ Văn Nghĩa
Sinh năm: 20/01/1986
Nguyên quán: Phú Xuyên – Hà Nội

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

Cư trú: Xã Ia Kha – huyện IaGrai – Gia Lai

Trình độ: Trung cấp giao thông vận tải.

Quá trình công tác:

- Từ 3/2009 – 11/2012: Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai
- Từ 12/2012 – 2/2014: Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai
- Từ 3/2014 – 4/2015: Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai
- Từ 5/2015 – 2017: Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai
- Từ 05/2017 - Nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai.

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Stt	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Tường Cột	Giám đốc	965.700	0,954%	
2	Phạm Tiến Dũng	P. Giám đốc	2.555	0,003%	
3	Chu Sỹ Hoạt	P. Giám đốc	2.553	0,003%	
4	Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	2.555	0,003%	

❖ Ông Nguyễn Tường Cột – Giám đốc

❖ Ông : Chu Sỹ Hoạt – Phó Giám đốc

Xem lại khoản a (Danh sách ban điều hành), điều 2 tổ chức và nhân sự.

❖ Ông Phạm Tiến Dũng: Phó Giám đốc. Tỷ lệ sở hữu 0,003% cổ phần có quyền biểu quyết.

Tên: Phạm Tiến Dũng

Sinh năm : 24/03/1977

Nguyên quán: Diên Yên, Diên Châu, Nghệ An.

Miễn nhiệm Ban kiểm soát nhiệm kỳ cũ và bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.

- Miễn nhiệm tư cách thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018 đối với:
 - + Ông Võ Sỹ Việt
 - + Ông Vũ Văn Nghĩa
 - + Bà Trần Thị Kim Cúc
- Bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 đối với:
 - + Ông Võ Sỹ Việt
 - + Ông Vũ Văn Nghĩa
 - + Bà Trần Thị Kim Cúc

b) Chính sách đối với người lao động

- Công tác tuyển dụng năm 2018 tích cực tuyển dụng nhân viên có năng lực, kinh nghiệm để đảm nhận tốt vai trò theo tính chất cần thiết và yêu cầu công việc. Tuyển dụng nhân sự cho bộ máy của mình, xây dựng đội ngũ, đẩy mạnh nhiều hoạt động đào tạo, tập huấn nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh dự bị cho việc quản lý, điều hành các dự án mới. Về công tác nhân sự, Công ty sắp xếp một số nhân sự hiện có, động viên CBCNV đào tạo để nâng cao trình độ để có đủ khả năng đảm nhận công việc theo yêu cầu mới.

- Tính đến 31/12/2018, tổng số nhân sự làm việc trong Công ty là 80 người, trong đó cán bộ quản lý là 16 người. Tuy nhiên việc tuyển dụng các nhân sự quản lý có năng lực còn gặp không ít khó khăn do nguồn cung lao động còn thiếu và sức hút lao động của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Công trình công cộng Đức Long Gia Lai chưa cao.

- **Chính sách nhân sự:** Phát triển nguồn nhân lực là một trong những vấn đề luôn được đưa vào định hướng, tầm nhìn chiến lược của Công ty. Công tác nhân sự luôn được chú trọng nhằm thu hút và tạo sự gắn bó giữa người lao động và Công ty.

- **Chính sách lương:** Công ty xây dựng chính sách lương riêng đảm bảo các chế độ lương theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của Người lao động. Đảm bảo thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên cao hơn năm trước, không có trường hợp chậm trả lương đối với người lao động.

- **Chính sách thưởng:** Hàng tháng, Công ty tiến hành đánh giá, bình bầu thi đua xếp loại lao động A, B, C và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng 13. Ngoài ra, nhằm tạo động lực làm việc cho người lao động, Công ty còn có chính sách khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc.

- **Bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của Pháp luật.

- **Chế độ làm việc:** Đảm bảo thời gian làm việc cho người lao động khối văn phòng theo chế độ thời gian làm việc 40 giờ/tuần và khối trực tiếp theo chế độ thời gian làm việc là 44 giờ đến 48 giờ/tuần. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo môi trường làm việc tốt cả về vật chất và tinh thần để người lao động phát huy hết khả năng trong công việc.

- **Tuyển dụng:** Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể cho từng bộ phận, phòng ban. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng về trình độ chuyên môn cơ bản. Cán bộ quản lý tuyển dụng phải có trình độ chuyên môn cao, năng động và tốt nghiệp từ các trường Đại học. Tìm kiếm và phát triển đội ngũ cán bộ trẻ kế cận có năng lực, có chuyên môn, giàu nhiệt huyết để dần tiếp nhận việc quản lý điều hành Công ty.

- **Công tác đào tạo:** Việc cạnh tranh trên thị trường lao động ngày càng gay gắt dẫn đến rủi ro về việc chảy máu chất xám, không giữ chân được nhân sự có chất lượng cho Công ty. Vì vậy, Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và luôn tạo một môi trường làm việc tốt cho tất cả các nhân viên. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ hỗ trợ chi phí đào tạo nghiệp vụ ngắn hạn, dài hạn cho nhân viên theo quy chế đào tạo đã ban hành. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về công tác PCCC, tập huấn về các chương trình quản lý kiểm soát chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức tham quan học tập ở nước ngoài cho một số cán bộ kỹ thuật, cán bộ kinh tế và công nhân ưu tú để mở mang kiến thức, nâng cao nghiệp vụ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn

a) Các khoản đầu tư lớn

- Theo QĐ số 06/QĐ- HĐQT ngày 06/06/2018 Công ty đã hoàn thành việc mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Vạn Gia Long. Hiện tại công ty đã sở hữu 7.880.000 cổ phần với tổng mệnh giá 788.000.000.000 đồng của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long và sở hữu tương đương 98,5% cổ phần.

- Công ty đã mở rộng được ngành nghề, nâng cao được vị thế và năng lực tài chính, gia tăng được doanh thu, lợi nhuận và tăng lợi ích của cổ đông. Những thành tựu mà Công ty đạt được khẳng định công ty đang từng bước chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa công tác quản lý nhằm tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật, nguồn nhân lực, hệ thống quản lý và thị trường cho sự phát triển của Công ty trong những năm tới.

Chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Đồng Phú Hưng.

+ Theo QĐ số 05/QĐ- HĐQT ngày 06/06/2018 Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp 197.573.800.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 98,787% của Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Đồng Phú Hưng mà công ty đang nắm giữ.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đang sở hữu 2 công ty con gồm:

- + Sở hữu 80% cổ phần Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku
- + Sở hữu 98,5% cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long.

b) Công tác xây dựng cơ bản khác

Thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo sửa chữa các hạng mục công trình tại bến xe nhằm cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng, đáp ứng quy chuẩn bến xe khách. Tại bến xe, Công ty đã thực hiện các hạng mục công trình như: Lắp đặt hệ thống PCCC; Lắp mái che cho người đi bộ từ khu trả khách vào phòng chờ, thay thế các nắp hố ga bị gỉ sét; Lắp đặt đèn chiếu sáng, bảng hiệu bến xe, vận hành bảo dưỡng định kỳ trạm xử lý nước thải, sơn sửa, chống dột khu văn phòng, nhà ga. Các hạng mục công trình như duy tu sửa chữa mặt bãi; Sơn chống sét nhà để xe; Lắp đặt hệ thống chống sét cho nhà để xe hai bánh; Sơn sửa khu văn phòng làm việc và nhà ga nhằm cải thiện chất lượng cơ sở vật chất để phục vụ hành khách tốt hơn.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	2.326.717.855.705	2.388.413.324.936	+2,70%
2	Doanh thu thuần	233.290.966.243	184.438.455.334	-20,9%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.754.491.996	47.422.250.688	+128,5%
4	Lợi nhuận khác	(301.280.674)	(22.082.546.485)	+7,23%
5	Lợi nhuận trước thuế	20.453.211.322	25.339.704.203	+23,9%
6	Lợi nhuận sau thuế	15.003.753.442	18.672.075.329	+24,4%

7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	533	179	-66,4%
---	----------------------------	-----	-----	--------

Các chỉ tiêu khác.

Bằng nỗ lực của tập thể Công ty, hoạt động kinh doanh của Công ty đã có những thành quả nhất định bằng chứng được thể hiện qua các chỉ số về khả năng sinh lời đều tăng, lợi nhuận sau thuế tăng. Kết quả này thể hiện khả năng vận hành của công ty có dấu hiệu tích cực.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	4,48	2,35	
	+ Hệ Số thanh toán nhanh: (TSLĐ- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	3,47	1,66	
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
	+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,55	0,55	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,22	1,23	
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
	+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	0,87	0,36	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,10	0,08	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,06	0,10	

	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,01	0,02	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,01	0,01	
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ...	0,09	0,26	

Giai đoạn năm 2018 kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có tiến triển tốt, năm sau cao hơn năm trước, phản ánh hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang có dấu hiệu tiến triển. Cụ thể, năm 2018 hầu hết các chỉ tiêu về doanh thu hoạt động tài chính, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đều tăng so với năm 2017, các chỉ tiêu lần lượt là 429,0%, 128,5%, 23,9%. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã được phục hồi và có phần vượt trội.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần

- + Tổng số cổ phiếu niêm yết: 101.177.353 cổ phiếu
- + Loại cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông.
- + Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.011.773.530 cổ phiếu;
- + Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 31/12/2018)

Tiêu chí phân loại	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Tổng cộng số cổ đông	Tổng cộng số cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu	Cổ đông lớn (từ 5% trở lên)	4	55.352.788	54,709	202	101.177.353
	Cổ đông nhỏ	198	45.824.565	45,291		
Loại cổ đông sở hữu	Cổ đông tổ chức	12	20.002.906	19,770	202	101.177.353
	Cổ đông cá nhân	190	81.174.447	80,230		

Cổ đông khác	Cổ đông trong nước	194	101.078.743	99,903	202	101.177.353
	Cổ đông nước ngoài	8	98.610	0,097		

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Bùi Pháp	230512386	03 Trần Quang Khải, TP. Pleiku, Gia Lai	2.4294.888	24,012%
Công ty TNHH Global Capital	0314753565	258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P8, Q3, TPHCM	20.002.300	19,770%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 02/04/2018)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

a) Quản lý nguồn nguyên vật liệu được sử dụng

Hiện nay, hoạt động kinh doanh của Công ty chưa cần quản lý những nguồn nguyên vật liệu đầu vào vì chủ yếu các hoạt động chỉ liên quan đến việc cho thuê kho bãi. Việc quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào sẽ chỉ liên quan đến nâng cấp công trình xây dựng hay đầu tư cho dự án. Tuy nhiên, doanh nghiệp kiểm soát rất tốt về mặt quy trình xây dựng các dự án, tránh gây thất thoát nguyên liệu gây tổn thất cho Công ty. Công ty thực hiện đúng các quy trình về quản lý kho, xuất nhập tồn thành phẩm, nguyên liệu.

b) Tiêu thụ năng lượng

Công ty luôn quan tâm đến việc tiêu thụ năng lượng. Các nhiên liệu như xăng, dầu diezen, dầu nhớt, điện là những nhiên liệu được sử dụng phổ biến trong sinh hoạt và kinh doanh của doanh nghiệp. Việc tiêu thụ năng lượng của doanh nghiệp hiện tại đang được kiểm soát thông qua các chỉ số định mức và dựa trên mức độ đánh giá. Đối với tình trạng sử dụng năng lượng mất kiểm soát, công ty sẽ

tìm các phương án nhằm cắt giảm mức sử dụng dựa trên tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra giải pháp xử lý tình trạng.

c) Tiêu thụ nước

Công ty luôn chú trọng đến lượng nước cũng như nguồn nước sử dụng. Lượng nước được định mức hóa tránh gây lãng phí thiệt hại cho doanh nghiệp như:

- Tối ưu hóa quy trình vệ sinh thiết bị bên bãi;
- Nhắc nhở việc tắt mở, sử dụng đúng mục đích và tiết kiệm nước;
- Tác sự dụng nguồn nước nếu có thể.

d) Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường.

Công ty tuân thủ, không vi phạm các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường. Đồng thời, Công ty luôn cập nhật các văn bản pháp luật liên quan, đánh giá sự ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của Cán bộ công nhân viên, Công ty tổ chức các buổi tuyên truyền và đưa vào các chương trình đào tạo, diễn tập ứng phó với rủi ro như hỏa hoạn.

e) Chính sách liên quan đến người lao động.

- Tính tới thời điểm cuối năm 2018, tổng số nhân sự làm việc tại Công ty là 80 người. Trong đó, HĐQT là 4 người, Ban Giám đốc là 3 người, Ban kiểm soát là 3 người, cùng nhiều cán bộ quản lý khác đảm bảo khả năng quản lý, điều hành và vận hành Công ty.

- Toàn Công ty đảm bảo cho người lao động mức thu nhập tương xứng với năng lực và cạnh tranh so với thị trường. Lương thưởng được áp dụng linh hoạt nhằm khuyến khích các CBCNV nỗ lực hoàn thành tốt công việc.

- Các khoản phụ cấp như: Phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp ca đêm,... được cộng thêm vào thu nhập hàng tháng, đảm bảo quyền lợi giúp người lao động yên tâm làm việc. Công ty áp dụng chính sách khen thưởng hàng năm như tháng lương thứ 13, xếp hạng khen thưởng cuối năm ABC, các dịp lễ tết, và cá nhân có thành tích xuất sắc... Chính sách này được áp dụng công bằng và xứng đáng cho CBCNV.

- Đời sống của người lao động được cải thiện đáng kể, thu nhập người lao động năm sau cao hơn năm trước, điều kiện làm việc của cán bộ công nhân viên được quan tâm, đảm bảo, chế độ phúc lợi được nâng cao.

Chính sách lương: Công ty luôn có những chính sách lương phù hợp với khả năng làm việc và trách nhiệm của người lao động. Việc trả lương luôn được đảm bảo đủ và đúng thời gian.

257
IN
H
C
B
A
IKL

Chính sách khen thưởng: Công ty luôn xem xét, đánh giá mức độ hiệu quả của từng nhân sự sau đó phân loại, sắp xếp công việc phù hợp. Mục đích đánh giá là để khen thưởng cho khả năng làm việc người lao động vào cuối năm.

Bảo hiểm xã hội: Các nhân sự trong công ty được hưởng đủ quyền lợi liên quan đến bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế được pháp luật quy định.

f) Chính sách liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty hiện đang cung cấp một số lượng công việc cho thị trường nhằm đảm bảo việc làm cho người lao động. Công ty cũng tạo dựng môi trường làm việc năng động, các chính sách phúc lợi đầy đủ nhằm khẳng định năng lực người lao động và đào tạo để nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả, các cán bộ công nhân viên càng có năng lực hơn, có chuyên môn hơn mang lại giá trị cho công ty để từ đó đạt được mức thu nhập cao hơn cho bản thân. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng phát triển vững mạnh hơn, mang lại nhiều lợi nhuận hơn, thu hút vốn hơn và mang thương hiệu doanh nghiệp đầy mạnh. Ngoài các hoạt động kinh doanh, công ty còn tổ chức các hoạt động tình nguyện, các hoạt động xã hội, hoạt động nhân đạo, gây quỹ nhằm giúp cho địa phương ngày một tốt hơn. Hơn nữa, công ty còn hỗ trợ, tham gia trong các chương trình tài trợ phát triển địa phương, tham gia phòng chống tệ nạn, phát triển an ninh đô thị.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2018, trước những biến động phức tạp của tình hình trong nước và thế giới, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả nổi bật. Tốc độ tăng trưởng đạt 7,08% - vượt chỉ tiêu Quốc hội đề ra 6,7%. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả năm dưới 4%, là năm thứ 3 thành công liên tiếp kiểm soát lạm phát dưới 4%. Tỷ giá, thị trường ngoại tệ ổn định; dự trữ ngoại hối nhà nước đạt kỷ lục trên 60 tỷ USD. Đặc biệt, đối với ngành Giao thông vận tải nói riêng, biến động giá xăng dầu trên thị trường quốc tế đã làm giá xăng dầu thị trường nội địa tăng giảm thường xuyên.

- Tuy nhiên, vẫn còn đó các yếu tố bất lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải, thương mại và khai thác, chế biến khoáng sản, như: Tình trạng cạnh tranh gay gắt giữa các loại hình vận tải, phương tiện vận tải; tình trạng “xe dù, bến cóc” vẫn lộng hành; các hoạt động thương mại có lãi suất rất thấp; các sản phẩm từ chế biến khoáng sản khó tìm thấy đầu ra... trong đó Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai cũng không là ngoại lệ.

- Trong năm qua, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã không ngừng cố gắng, nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ

sản xuất kinh doanh. Kết quả kinh doanh đạt được trong năm qua dựa trên một số yếu tố thuận lợi và khó khăn như sau.

a) Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ, định hướng phát triển từ, Sở Giao thông vận tải và Chính quyền địa phương. Hội đồng Quản trị, Ban điều hành luôn sâu sát, nắm chắc tình hình, chỉ đạo kịp thời những vấn đề quan trọng; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ. Với sự nỗ lực, quyết tâm cao của tất cả cán bộ công nhân viên Công ty đã cố gắng thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Thương hiệu Công ty ngày càng được khẳng định và tạo được niềm tin đối với khách hàng nhờ việc nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng của Công ty và phối hợp với các đơn vị vận tải nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, dịch vụ hành khách. Công tác giữ gìn an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường được quan tâm thường xuyên cộng với sự quan tâm hỗ trợ của chính quyền địa phương trong công tác phối hợp giữ gìn an ninh trật tự đã mang lại hiệu quả, tạo sự an tâm cho khách hàng.

- Hoạt động kinh doanh của Công ty được mở rộng, không những chỉ cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ mà còn có cả các dịch vụ kèm theo như kinh doanh bất động sản, triển khai kế hoạch cho thuê căn hộ chung cư và kinh doanh thương mại....

b) Khó khăn:

- Cơ sở vật chất tại công ty chưa phát triển đồng bộ, tiến độ dự án đầu tư, nâng cấp còn gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai, dẫn đến chưa thể nâng cấp được cơ sở vật chất tại đây, vì vậy hình ảnh về cơ sở vật chất chưa thật sự hấp dẫn khách hàng, điều này cũng đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh công ty.

- Sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp có chung ngành nghề sản xuất kinh doanh và đầu tư.

- Tác động của các yếu tố thuận lợi và khó khăn đã tác động không nhỏ đến quá trình điều hành công ty, nhưng với sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tập trung khai thác các lợi thế của công ty, quyết tâm đổi mới, đầu tư chiều sâu, tận dụng những thuận lợi của nền kinh tế, biến những thách thức thành cơ hội phát triển và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

c) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

- Nhìn chung, trong năm 2018 tập trung thực hiện triển khai nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng. Hoàn thiện công tác quản lý, sắp xếp và tổ chức bộ máy tinh gọn, nâng cao năng lực điều hành của cán bộ quản lý thông qua tiêu chuẩn hoá trách nhiệm và nhiệm vụ.

- Các khoản phải trả khác như phải trả người lao động, phải trả người bán ngắn hạn, phải nộp khác lại có xu hướng giảm cả về tỷ trọng lẫn giá trị. Do đặc thù của Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh thương mại, bến bãi, kinh doanh bất động sản nên ngoài khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân thì công ty còn phát sinh thêm thuế tài nguyên và các khoản phí, lệ phí liên quan bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty đã có những mặt mạnh và tồn tại những khuyết điểm về tình hình tài chính, hiệu quả kinh doanh trong giai đoạn thực hiện. Nếu công ty sớm triển khai những cải cách, những biện pháp nhằm phát huy điểm mạnh, lợi thế công ty, đồng thời khắc phục những tồn tại tình hình tài chính và kết quả kinh doanh sẽ được nâng lên rõ rệt.

- Nhìn lại, có thể thấy rằng, cơ cấu tài sản và nguồn vốn của công ty đang có sự chuyển dịch tích cực, đa dạng hóa nguồn huy động để thực hiện tái cơ cấu toàn diện theo mục tiêu đã đề ra. Tuy nhiên, công ty cần đảm bảo được mức độ hợp lý của các khoản nợ vì rủi ro trong thanh toán các khoản nợ trong tương lai.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	0,97	0,84
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	85,02	74,10
- Hiệu suất sử dụng TSCĐ	Lần	11,44	9,58
2. Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	54,93	55,07
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	45,07	44,93
3. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,5	1,7
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	4,5	2,3
4. Tỷ suất lợi nhuận			



- LNTT/Tổng tài sản	%	0,9	1,1
- LNST/Doanh thu thuần	%	6,3	10,1
- LNST/Vốn chủ sở hữu	%	1,4	1,7

Tỷ trọng tài sản của Công ty không có sự thay đổi lớn so với năm 2017. Cụ thể tổng tài sản 2018 ở mức 2.388 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 74,1% đạt giá trị 1.769 tỷ đồng, tài sản dài hạn chỉ chiếm 25,90% tương ứng 618 tỷ đồng. Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn cũng tăng 136,9% so với cùng kỳ năm trước.

b) Tình hình nợ phải trả

- Đối với chỉ số khả năng thanh toán nhanh đạt 1,7 lần và khả năng thanh toán hiện hành đạt 2,3 lần, cho thấy Công ty hoàn toàn có thể trả ngay tất cả các khoản nợ bằng tiền khi đến hạn và cùng một lúc tất cả các hợp đồng tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Nguyên nhân chính khiến khoản mục nợ phải trả tăng mạnh đến từ khoản mục phải trả ngắn hạn khác.

- Đồng thời các khoản nợ vay, lãi vay được thanh toán nhiều kỳ trong năm. Tuy nhiên các chỉ số này của Công ty hiện nay cao nên Ban điều hành Công ty sẽ có kế hoạch khai thác triệt để thế mạnh về vốn để nâng cao hiệu quả đầu tư trong năm tiếp theo.

Các chỉ tiêu kế hoạch đã thực hiện

Với những công việc đã thực hiện trên, kết quả SXKD của Công ty năm 2018 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	SO SÁNH	
					Với kế hoạch 2018	Với năm 2017
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	300	184.438	61,48%	79,06%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	64	25.339	39,59%	123,89%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	50	18.672	37,34%	126,20%
4	Lợi ích của cổ	Đồng		179		



Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	SO SÁNH	
	đồng					

Đánh giá kết quả đạt được:

Trong năm qua, trong bối cảnh nền kinh tế đất nước dần hồi phục, tình hình kinh doanh dịch vụ năm 2018 Công ty cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai, doanh thu Công ty thực hiện 184 tỷ đồng, đạt 61,48% so với kế hoạch. Về lợi nhuận, năm 2018 Công ty không đạt kế hoạch đề ra. Cụ thể: Lợi nhuận trước thuế thực hiện 25 tỷ đồng, đạt 39,59% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế thực hiện 18 tỷ đồng, đạt 37,34 % so với kế hoạch năm 2018. Nguyên nhân lợi nhuận đạt thấp so với kế hoạch là do việc đề ra kế hoạch chi phí chưa thật khách quan cũng như việc kiểm soát chi phí chưa hiệu quả, nhưng Công ty đã có ý thức gia tăng tiết kiệm các khoản chi phí nhằm bảo toàn lợi ích tối đa cho các cổ đông.

Chi tiết cơ cấu doanh thu năm 2018 như sau:

STT	Sản Phẩm	Giá trị	Tỷ lệ/DT
I	Doanh thu	184.438.455.334	100%
1.	Dịch vụ qua bến	12.378.879.424	6,7%
2.	Dịch vụ vận chuyển	7.881.345.365	4,3%
3.	Bán đậu nành	2.067.120.000	1,1%
4.	Bán đá	99.918.166.000	54,2%
5.	Bán phân bón	26.529.220.000	14,4%
6.	Công trình xây lắp	35.663.724.545	19,3%

- Trong cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2018 thì một số mảng như doanh thu bán đá 54,2%, doanh thu bán phân bón 14,4%, doanh thu vận chuyển 4,3%, doanh thu dịch vụ qua bến 6,7%, doanh thu xây lắp 19,3%. Còn lại các lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng không đáng kể nhưng cũng đóng góp một phần tạo nên cơ cấu doanh thu chung của Công ty.

- Những thành tựu mà Công ty đạt được khẳng định công ty đang từng bước chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa công tác quản lý nhằm tạo cơ sở vật chất, kỹ

thuật, nguồn nhân lực, hệ thống quản lý và thị trường cho sự phát triển của Công ty trong những năm tới.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a) Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý:

Công tác hành chính:

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành. Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp, quán triệt, tuyên truyền sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của công ty đến toàn thể người lao động và các đối tác.

Công tác pháp chế:

- Trong năm, Công ty đã ban hành Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ 2018 ngày 27/04/2018 để đáp ứng công tác quản lý điều hành tại công ty, tuân thủ theo sự điều tiết của Nghị định 71-2017/NĐ-CP Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty địa chủng. Sự thay đổi này đã nâng tầm cao mới cho công tác quản trị tiệm cận với thông lệ quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng quản trị công ty và đảm bảo hiệu quả hoạt động của các thành viên HĐQT.

- Toàn bộ tổ chức hoạt động của Công ty, cập nhật, hoàn thiện, điều chỉnh, cải tiến các quy chế, quy định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư trong từng thời kỳ.

b) Các biện pháp kiểm soát

Công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh; xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển mạnh toàn diện trong tất cả các lĩnh vực.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a) Các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh năm 2019

Công ty tiếp tục duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, bám sát thực hiện thành công những định hướng của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2018 và 2019. Bên cạnh đó, Công ty sẽ quyết liệt trong việc đẩy nhanh tiến độ công việc. Đồng thời, chú trọng đến công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ là yếu tố tiên quyết. Bên cạnh lượng khách hàng hiện có, Công ty sẽ thực hiện quảng bá rộng rãi để phát triển thêm khách hàng tiềm năng. Áp dụng Công nghệ thông tin vào công tác điều hành nhằm giảm thiểu rủi ro và phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Các chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	2021
- Doanh thu	Tỷ đồng	200	300	350
- Lợi nhuận	Tỷ đồng	20	50	80

b) Kế hoạch đầu tư

Tiếp tục theo dõi xin ý kiến chỉ đạo của Công ty về Đề án chi tiết và phương án vốn để triển khai dự án. Thực hiện đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp chất lượng cơ sở hạ tầng

- **Về lĩnh vực xây lắp:** Đây vẫn là lĩnh vực hoạt động chính của Công ty trong giai đoạn tiếp theo. Công ty xác định rằng doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động xây lắp sẽ vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ cơ cấu doanh thu hàng năm của Công ty, cụ thể bằng những định hướng như sau:

+ Phát triển nguồn nhân lực cho mảng thi công xây lắp: dựa trên lực lượng hiện có chủ yếu là đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp tại các công trường xây dựng, các đội thi công và đội ngũ kỹ thuật viên, công nhân kỹ thuật có tay nghề, Công ty sẽ tiếp tục công tác đầu tư và phát triển theo chiều sâu trong việc huấn luyện, đào tạo.

+ Nghiên cứu cải tiến hình thức tổ chức thi công để tăng năng suất, tiết kiệm chi phí mang lại hiệu quả cao nhất

+ Tăng cường công tác tham gia đấu thầu các công trình XD/CB trong và ngoài địa bàn tỉnh.

- **Về thị trường:** Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị nhằm quảng bá thương hiệu và thương hiệu của Công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác để tiếp cận thị trường rộng lớn hơn.

- **Về đầu tư:** Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

Công tác quản trị tài chính kế toán:

- Công tác hạch toán kế toán đầy đủ, kịp thời và hiệu quả tuân thủ theo các quy định về hạch toán hiện hành, đảm bảo cân đối được nguồn vốn để triển khai được các dự án của Công ty và cũng để thực hiện thành công chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Nhà nước để nắm bắt kịp thời cơ chế chính sách của Nhà nước đối với hoạt động của Công ty, các định chế tài chính và khách hàng để tư vấn, đem lại hiệu quả cao cho Công ty, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông cũng như khách hàng. Thực hiện tốt nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước.

Công tác đầu tư:

- Tập trung nghiên cứu và thực hiện các dự án bến xe mang thương hiệu bến xe Đức Long Gia Lai rộng ra khắp cả nước, nghiên cứu kỹ phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn để phù hợp với thực tế và thị trường nhằm đạt hiệu quả cao. Trong năm 2018 - 2019 tập trung vào:

+ Dự án mở tuyến phục vụ vận tải hành khách công cộng.

+ Mở rộng được ngành nghề kinh doanh, nâng cao được vị thế và năng lực tài chính, gia tăng được doanh thu, lợi nhuận và tăng lợi ích của cổ đông.

Về tài chính: Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a) Đối với môi trường

- Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng phát triển, các đối tác và người tiêu dùng bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên của các doanh nghiệp cũng đang dần bị người tiêu dùng lên án. Mặt khác, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp dẫn đến giá tài nguyên tăng cao, hiệu quả công việc thấp hơn trong những khu vực bị ô nhiễm đã và đang ảnh hưởng sát sườn đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Do vậy, để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp nói chung và DL1 nói riêng buộc phải quan tâm tới các khía cạnh môi trường, hiệu quả sinh thái và năng lượng của từng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Muốn làm được vậy, Ban lãnh đạo doanh nghiệp luôn chú trọng nâng cao nhận thức của toàn thể doanh nghiệp về vấn đề này. Đồng thời xây dựng và chuyển đổi qua hệ thống quản lý với kế hoạch hành động xanh, tạo lập cơ sở vững chắc đảm bảo yếu tố môi trường, tính hiệu quả về sinh thái và sử dụng năng lượng, hạn chế phát thải nhà kính.

b) Đối với cộng đồng và xã hội

- Tiếp tục phát huy và quan tâm đến giá trị cốt lõi của Doanh nghiệp, Công ty đã cố gắng hoàn thành tốt trách nhiệm đối với cộng đồng và môi trường.

- Con người là giá trị cốt lõi của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên có môi trường làm việc thoải mái, được cống hiến và học hỏi, sáng tạo. Đi kèm với đó, chính sách lương thưởng và phúc lợi luôn được Công ty đảm bảo.

- Duy trì các hoạt động đóng góp vì cộng đồng. Thăm hỏi giúp đỡ các hoàn cảnh gia đình khó khăn, bất hạnh trên địa bàn. Hỗ trợ học bổng, quà, động viên các em học sinh nghèo, vượt khó.

- Giữ vững an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường tại khu vực bến xe.

- Với sứ mệnh “**Nâng tầm cao mới, vững tiến xa hơn**” Công ty luôn quan tâm đến vấn đề nguồn nhân lực hàng đầu. Có một nguồn nhân sự tốt mới có thể vận hành bộ máy của Công ty một cách trơn tru và hoàn thành các kế hoạch, mục tiêu đề ra. Công ty luôn đồng hành cùng sự phát triển bền vững, tích cực tham gia vào các chương trình, phong trào bảo vệ môi trường tại địa phương. Đồng thời tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với từng công, nhân viên tại Công ty để xây dựng một môi trường sống và làm việc “**xanh, sạch, đẹp**”.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2018 là một năm có nhiều cơ hội và thách thức đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, Vì vậy, Hội đồng quản trị đã tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2018 và đạt được nhiều thành tích:

- Duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Quản lý vốn đầu tư theo hướng trách nhiệm hiệu quả, luôn đảm bảo dòng tiền ổn định cho hoạt động kinh doanh. Tập trung thực hành tiết kiệm chống lãng phí, quản lý chi phí theo từng chi tiêu được phê duyệt trong kế hoạch.

- Trước những khó khăn trên, HĐQT đã đề ra những chủ trương giải quyết kịp thời những vướng mắc từ thực tế, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, tập trung mọi nguồn lực, chủ động đề ra nhiều giải pháp thích hợp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã đề ra.

- Từ kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 cho thấy: Doanh thu vượt 61.48% so với kế hoạch năm 2018 là nhờ nỗ lực của Ban điều hành và đội ngũ CBCNV trong việc đẩy mạnh các hoạt động thương mại dịch vụ và các hoạt động dịch vụ.

a) Công tác đầu tư:

Hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đang sở hữu 98,5% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long, và 80% cổ phần Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku, giúp mở rộng được ngành nghề, nâng cao được vị thế và năng lực tài chính, gia tăng được doanh thu, lợi nhuận và tăng lợi ích của cổ đông. Tinh gọn lại các lĩnh vực và ngành nghề kém hiệu quả để thúc đẩy chỉ số tăng trưởng. Vào ngày 06/06/2018 Công ty CP Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH SXTM DV Đồng Phú Hưng.

b) Công tác khác:

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật bến bãi kang trang, hiện đại theo hướng kết hợp giữa khai thác bến xe với khai thác thương mại dịch vụ. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ hành khách và các doanh nghiệp vận tải; xây dựng thái độ tác phong ứng xử chuẩn mực của CBCNV. Thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường.
- Công ty đã xây dựng quy chế về tổ chức điều hành, thu chi tài chính minh bạch, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhằm tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của công ty. Thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho tất cả người lao động. Trong năm không có những thay đổi lớn về chính sách đối với người lao động.
- Dựa trên ưu thế về nguồn tài chính ổn định sẵn có, Công ty sẽ tập trung mạnh và đột phá vào việc đầu tư cải tiến trang thiết bị và công nghệ thi công xây dựng hiện có cho ngang bằng trình độ với các doanh nghiệp cùng ngành nghề trên địa bàn nhằm tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động, rút ngắn tiến độ và nâng cao chất lượng thi công các công trình xây dựng.
- Công ty sẽ tổ chức những chuyến tham quan, hợp tác, nghiên cứu học tập kinh nghiệm và chuyển giao những công nghệ, thiết bị thi công xây dựng mới cũng như áp dụng những vật liệu xây dựng mới và biện pháp thi công tiên tiến. Công ty sẽ thường xuyên tham gia các chương trình xúc tiến ngành xây dựng nhằm mục tiêu cập nhật các công nghệ xây dựng tiên tiến.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

a) Hoạt động giám sát

- Trong năm 2018, HĐQT đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty thông qua thông qua việc

kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát, qua các cuộc họp định kỳ hàng quý và tổ chức họp đột xuất trong các trường hợp cần giải quyết công việc khẩn cấp. Ban Giám đốc định kỳ báo cáo HĐQT hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các nghị quyết của HĐQT, các khó khăn và thuận lợi trong điều hành. Từ đó HĐQT phối hợp với Ban Giám đốc đề ra các giải pháp tháo gỡ, khắc phục khó khăn, nỗ lực đạt kế hoạch đã đề ra.

- Công tác điều hành được phân công cụ thể và chỉ đạo quyết liệt, bám sát phương hướng và kế hoạch hoạt động theo Đại hội đồng cổ đông năm 2018, và định hướng của Hội đồng quản trị. Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát.

b) Kết quả hoạt động giám sát

Nhìn chung, Ban Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; trong quá trình tác nghiệp, chưa phát hiện các vi phạm Điều lệ Công ty, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

c) Về công tác quản trị:

- Thay đổi phương pháp quản trị, tổ chức bộ máy, sắp xếp lại các đơn vị trong Công ty, giảm đầu môi trung gian để tận dụng được các ưu đãi về đầu tư, xuyên suốt trong điều hành và tập trung nguồn lực.

- Kiện toàn, nâng cao hiệu quả của bộ máy quản trị. Phát huy tính tự giác, sự chủ động, sáng tạo, vai trò cá nhân và sự tự chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý,... tạo sự ổn định và phát triển bền vững cho Công ty.

d) Về năng suất lao động, điều hành, tổ chức sản xuất

Thường xuyên rà soát, tổ chức lại các quy trình sản xuất, sắp xếp lại nhân lực phù hợp công việc. Nâng cao năng suất lao động bằng các phương pháp cải tiến kỹ thuật, khuyến khích người lao động phát huy các hợp lý hóa, sáng kiến trong lao động, sản xuất.

e) Về nguồn nhân lực

Thực hiện tốt việc đánh giá năng lực, hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ, nhân viên nghiệp vụ và đội ngũ lao động trực tiếp để có chế độ lương, thưởng phù hợp với năng lực của từng cá nhân, hoặc bố trí, luân chuyển lao động hợp lý. Thường xuyên sàng lọc, phân loại, sắp xếp và có các chương trình đào tạo chuyên sâu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bản chi tiết công việc cho từng cá nhân.

f) Công tác tài chính

Được thực hiện nghiêm túc. Các Báo cáo tài chính được lập đúng thời hạn, được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập có đủ điều kiện được UBCK Nhà Nước công nhận nhằm đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng, chính xác.

g) Công nợ

Tiền khách hàng nợ, và nợ khách hàng nằm trong tầm kiểm soát, đến thời điểm hiện tại không có nợ xấu.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.

- Bước vào năm 2019, tình hình thế giới năm 2019 dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, tốc độ phát triển kinh tế phục hồi chậm, không đồng đều, nhiều chính sách thiếu ổn định, khu vực doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn và còn rủi ro. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi, nền kinh tế vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp. Tuy nhiên, bên cạnh đó, những kết quả đạt được các năm vừa qua của nền kinh tế vừa là tiền đề và vừa là điều kiện thuận lợi để Công ty đề ra chương trình kế hoạch phù hợp năm 2019.

- Công ty CP Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai luôn vững tin với những kết quả đạt được và trên tinh thần “Nói và Làm”, HĐQT sẽ cụ thể hóa Nghị quyết của Đại hội cổ đông, chỉ đạo quyết liệt Ban Giám đốc bằng những hành động cụ thể, tập trung thật tốt công tác quản lý và triển khai các hoạt động dịch vụ, mở rộng kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng cao nhất doanh thu và lợi nhuận, đáp ứng nhiều hơn nữa niềm kỳ vọng mà cổ đông tin tưởng, giao phó với các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ trọng tâm .

Định hướng các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
1	Doanh thu	Tỷ đồng	200
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	20

a) Các mục tiêu phấn đấu

Đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và các chỉ tiêu của năm 2019 và các năm tiếp theo do Đại hội đề ra.

- **Về dịch vụ thương mại:** Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bám sát thực hiện thành công những định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 và năm 2019. Quản lý vốn đầu tư theo

hướng trách nhiệm hiệu quả, luôn đảm bảo dòng tiền ổn định cho hoạt động kinh doanh, tập trung thực hành tiết kiệm chống lãng phí, quản lý chi phí theo từng chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch.

- **Về bất động sản:** Công ty đang triển khai dự án Sunshine Apartment, quận 7, TP HCM. Dự án đang triển khai xây dựng phần móng và thực hiện đúng các quy trình, qui định pháp luật. Dự án mở rộng đường Huỳnh Tấn Phát lộ giới 30m: đường Nguyễn Hữu Thọ (lộ giới 60m), đảm bảo cân bằng chức năng giao thông, không gian đô thị gắn kết với các khu vực đô thị của thành phố Hồ Chí Minh. Dự án xây cầu Thủ Thiêm 4 bắc qua sông Sài Gòn nằm trong quy hoạch phát triển giao thông vận tải TP HCM đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020. Đây là dự án trọng điểm kết nối Khu đô thị mới Nam Thành phố và Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

- **Về An toàn lao động - Phòng chống cháy nổ:** Thực hiện định kỳ, thường xuyên công tác đào tạo, tập huấn về ATLĐ và PCCC cho cán bộ, công nhân viên trong toàn hệ thống của Công ty. Kiện toàn hệ thống trang thiết bị PCCC, đảm bảo vận hành tốt, ổn định. Các giải pháp chủ yếu của HĐQT để chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

b) Định hướng phát triển các ngành nghề như sau:

- Định hướng của DL1 trong thời gian đến sẽ tiếp tục tập trung vào các ngành nghề chiến lược: Đầu tư kinh doanh bất động sản đa sản phẩm; đồng thời sẽ đầu tư có chọn lọc một số lĩnh vực, ngành nghề truyền thống hiện đang đem lại hiệu quả.

- Lãnh đạo DL1 cho biết, việc sáp nhập công ty bất động sản, đồng thời trở thành chủ sở hữu dự án Bất động sản tại TP.HCM là bước đi đầu tiên đánh dấu sự hiện diện của thương hiệu DL1 trên thị trường bất động sản TP.HCM. Dự án này khi hoàn thành và bàn giao nhà sẽ ghi nhận doanh thu 3.400 tỷ đồng và lợi nhuận gần 1.000 tỷ, tạo tiền đề để DL1 đầu tư mở rộng, tăng trưởng vượt bậc trong thời gian tới.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1.	Ông Nguyễn Tường Cột	Chủ tịch	965.70	0.954%	
2.	Ông Hồ Hoàng Đức Huy	Ủy viên	0	0%	

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
3.	Ông Nguyễn Tuyển	Ủy viên	0	0%	
4.	Ông Lý Duy Anh	Ủy viên	0	0%	
5.	Ông Chu Sỹ Hoạt	Ủy viên	2,553	0,003%	

- HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức bộ máy, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ quản lý thông qua các cuộc họp phân công và các đợt kiểm tra, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành làm thước đo để đánh giá, bổ nhiệm, điều động CBCNV vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Nhìn chung các cán bộ quản lý đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, tận tụy, sự mẫn cán trong công việc và đã tham mưu cho Ban điều hành kịp thời, hiệu quả.

- Đối với các cán bộ quản lý khác, HĐQT căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành, làm thước đo để đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm, điều động vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Thực hiện đúng và đầy đủ công tác kiểm toán định kỳ hằng năm.

b) Các tiêu chuẩn thuộc Hội đồng quản trị

- Công ty chưa thành lập các tiêu chuẩn trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu cho HĐQT.

- Ngoài các cuộc họp theo định kỳ, Chủ tịch HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp hội ý thường trực HĐQT với ban Giám Đốc, đồng thời liên tục trao đổi, thống nhất chủ trương giữa các thành viên HĐQT.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 được Đại hội cổ đông thường niên bầu ra gồm 05 thành viên, gồm các Ông:

Ông Nguyễn Tường Cọt,

Ông Nguyễn Tuyển,

Ông Lý Duy Anh,

Ông Hồ Hoàng Đức Huy,

Ông Chu Sỹ Hoạt.

372
T
H
H
G
H
C
L
G
L
G
L
K
U

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

- Ngay sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp để đánh giá kết quả cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông đồng thời ra các quyết định cụ thể nhằm thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ông Nguyễn Tường Cột đã được các thành viên HĐQT tín nhiệm bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ mới.

- Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức hoạt động đúng Quy chế quản trị, Điều lệ Công ty; theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, luôn đảm bảo sự đồng thuận trong nội bộ, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, liên tục điều chỉnh đối sách phù hợp với tình hình thực tế. Nhìn chung, các cuộc họp của HĐQT đã được tổ chức một cách chu đáo, đúng luật, đạt được sự nhất trí cao.

- Việc công bố thông tin theo quy định cũng đã được HĐQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo đúng hạn, chính xác, đầy đủ, công khai, minh bạch;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, các thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên không nhận thù lao. Riêng có 01 thành viên Chủ tịch HĐQT được nhận thù lao theo thỏa thuận và phù hợp với Nghị quyết đại hội.

- Thông qua Đại hội kỳ này, HĐQT dự kiến thông qua Đại hội miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT và bổ nhiệm mới 01 thành viên HĐQT để đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành đem lại hiệu quả cao nhất, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty trong tình hình mới.

Các cuộc họp và kết luận của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2018, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

- Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức nhiều cuộc họp HĐQT, qua đó HĐQT đã ban hành được 01 Nghị quyết và 09 Quyết định và 02 Quyết nghị để thực hiện các nội dung thông qua tại các cuộc họp.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT- DL1	12/3/2018	V/v chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ và ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
2	02/QĐ- HĐQT-DL1	17/03/2018	V/v Thống nhất ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
3	01/NQ-HĐQT- DL1	27/4/2018	V/v Phê chuẩn chức danh Chủ tịch HĐQT và phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023
4	03/QN-HĐQT- DL1	16/5/2018	V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018
5	04/QN-HĐQT- DL1	16/05/2018	V/v bầu bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai
6	05/QĐ-HĐQT- DL1	06/6/2018	V/v chuyển nhượng phần góp vốn tại Công ty TNHH sản xuất Thương mại dịch vụ Đồng Phú Hưng
7	06/QĐ-HĐQT- DL1	06/6/2018	V/v Góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long
8	08A/QĐ- HĐQT-DL1	27/08/2018	V/v Bán xe và đánh giá chất lượng kỹ thuật xe buýt 81B-00226, 81B-00244, 81M-3674, 81M-3693.
9	08B/QĐ- HĐQT-DL1	28/08/2018	V/v Bán xe và đánh giá chất lượng kỹ thuật xe buýt 81B-00241.
10	08C/QĐ- HĐQT-DL1	11/10/2018	V/v Đánh giá tình hình thực hiện quý III và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV năm 2018.
11	09/QĐ-HĐQT- DL1	03/12/2018	V/v miễn nhiệm chức danh người quản trị công ty, thư ký HĐQT đối với ông Lê Thanh Tuấn và bổ nhiệm chức danh quản trị công ty, thư ký HĐQT đối với Bà Lý Thị Bắc.
12	10/QĐ-HĐQT-	31/12/2018	V/v Đánh giá tình hình thực hiện quý IV và kế



Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
	DL1		hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

- Ngoài các cuộc họp, Chủ tịch HĐQT đã có những buổi hội ý, thảo luận giữa HĐQT với Ban Giám đốc và hàng trăm cuộc điện đàm, trao đổi, giữa các thành viên HĐQT với Ban điều hành để thống nhất biện pháp triển khai thực hiện các chủ trương của Đại hội cổ đông và HĐQT.

- Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng thể thức theo quy định của pháp luật, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo quy định của Điều lệ. Do vậy, các nội dung được HĐQT thông qua luôn được sự nhất trí và đồng thuận cao, tạo điều kiện rất thuận lợi trong việc đưa các Nghị quyết của HĐQT vào thực tế sản xuất kinh doanh của đơn vị.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Võ Sỹ Việt	Trưởng ban	0	0%	
2	Trần Thị Kim Cúc	Thành viên	2.555	0,003%	
3	Vũ Văn Nghĩa	Thành viên	0	0%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát.

- Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động điều hành của HĐQT đã tuân thủ theo đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty.

- Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT và BKS tham dự. Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2019 và công tác xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với mô hình sản xuất "Công ty cổ phần". Tài liệu được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo thông báo mời họp.

- Những cuộc họp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự, đúng quy chế, phù hợp với Điều lệ Công ty.

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

- Sau cuộc họp, HĐQT đã thông qua các quyết định phù hợp với tình hình SXKD của Công ty và nằm trong thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

- Ban Giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT, Ban Giám Đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban Giám đốc đã duy trì thường xuyên họp giao ban. Thành phần tham dự họp đầy đủ, nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý, những khó khăn, vướng mắc được đưa ra các biện pháp giải quyết ngay trong cuộc họp. Mỗi cuộc họp đều được thư ký ghi chép đầy đủ nội dung các ý kiến chỉ đạo tổng hợp thông báo xuống các đơn vị sản xuất và phòng ban biết để thực hiện.

- Trong năm 2018 Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban kiểm soát nhằm đánh giá, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Để các hoạt động của Công ty được hoạt động minh bạch theo đúng quy định trong Điều lệ, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và vì lợi ích của các cổ đông trong Công ty.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Họp quý IV và tổng kết năm 2017. Kế hoạch quý I năm 2018.	15/02/2018	- Đánh giá kết quả thực hiện kiểm soát năm 2017.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%
2	Kê hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong BKS	10/04/2018	- Đề ra kế hoạch làm việc của BKS năm 2018 - Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong ban.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%
3	Họp 6 tháng đầu năm 2018.	03/7/2018	-Đánh giá kết quả thực hiện kiểm soát 6 tháng đầu năm. - Xây dựng kế hoạch công việc 6 tháng cuối năm 2016	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%

Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

4	Họp quý 4 và tổng kết năm 2018. Kế hoạch nhiệm vụ năm 2019.	18/12/2018	-Đánh giá thực hiện nhiệm vụ quý IV năm 2018. -Tổng kết năm 2018 và kế hoạch nhiệm vụ của năm 2019.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%
---	---	------------	--	---

c) Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đã có mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và tham gia các cuộc họp của HĐQT.

- Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Các báo cáo của Ban kiểm soát đều được gửi đến HĐQT và Ban Giám đốc Công ty, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng do Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, không ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

• Mức thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 8.000.000 đồng/tháng.
- Các thành viên Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/tháng.
- Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty và các công ty thành viên trực thuộc sẽ không nhận thù lao.

• Mức thù lao của thành viên Ban kiểm soát

- Trưởng ban kiểm soát: 6.000.000 đồng/tháng.
- Các thành viên Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/ tháng.
- Trường hợp thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm công việc tại Công ty và các công ty thành viên trực thuộc sẽ không nhận thù lao.

• Ngoài khoản thù lao cố định như trên, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên HĐQT, ban kiểm soát sẽ được thưởng:

- 1% (một phần trăm) tính trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm.
- 5% (năm phần trăm) tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.

• Trong năm 2018, đã chi thù lao cho Chủ tịch HĐQT là 5.000.000 đồng/tháng. Riêng các thành viên khác tự nguyện không nhận thù lao.

b) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

- Công ty luôn chấp hành pháp luật về quản trị công ty. Để thực hiện hiệu quả trong hoạt động của công ty trong tương lai, Công ty cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai tập trung thực hiện các kế hoạch như sau: Nâng cao năng lực quản trị điều hành của Ban lãnh đạo, kiện toàn đội ngũ nhân sự, tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự có đủ năng lực chuyên môn và đạo đức lối sống để thực hiện tốt các công việc của Công ty, tăng cường giám sát hoạt động của các phòng ban chuyên môn, thực hiện tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi phí không cần thiết để mang lại hiệu quả cao trong công tác sử dụng và nâng cao hiệu quả vốn.

- Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất, theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng quản trị.

Kính gửi: Ông/Bà:
 Đ. L. G. L.

KẾT LUẬN

Năm 2018 vừa qua, với những biến động của nền kinh tế; các cơ chế, chủ trương đầu tư cơ sở hạ tầng ngành giao thông của Chính phủ; sự cạnh tranh gay gắt của các loại hình vận tải cùng với việc thị trường giá nhiên liệu liên tục được điều chỉnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động ngành dịch vụ vận tải. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai đã cùng chung sức, phát huy thế mạnh, vượt qua khó khăn, đạt được những kết quả đáng ghi nhận như đã được trình bày trong báo cáo.

Nhìn lại một năm đã qua, những bài học được đúc kết kinh nghiệm cho con đường phát triển của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai, HĐQT và Ban Lãnh đạo cùng Tập thể CBCNV nhận thấy còn rất nhiều công việc phải làm trong năm 2019 cũng như các năm tới. Tập thể Công ty với một tinh thần đoàn kết, cùng nhau quyết tâm hoàn thành xuất sắc kế hoạch giai đoạn 2018-2023 để hiện thực hoá tầm nhìn: “DL1 trở thành doanh nghiệp phát triển bền vững và đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư để huy động tốt nhất các nguồn lực từ bên ngoài”.

Ngoài lĩnh vực kinh doanh bến xe, bãi đỗ vận tải hành khách thì Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đang chú trọng mở rộng phát triển bền vững, đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh ngoài ngành nghề kinh doanh truyền thống. Tích cực hoàn thiện công tác quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác đầu tư, tìm kiếm và phát triển thị trường để tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

Rất mong quý cổ đông và nhà đầu tư chia sẻ và ủng hộ cho HĐQT và ban lãnh đạo Công ty để từng bước vượt qua khó khăn hiện tại, tạo tiền đề vững chắc để phát triển bền vững trong năm 2019 và những năm tiếp theo ./



NGUYỄN TƯỜNG CỘT



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
ĐỨC LONG GIA LAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900437257 ngày 21/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 16 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/11/2017). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 27/2010/GCNCP-VSD - 4 ngày 28/01/2010 với mã chứng khoán DL1. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 10/03/2010.

Vốn điều lệ: 1.011.773.530.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2018: 1.011.773.530.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (84) 0269 3829021
- Fax: (84) 0269 3829021
- Website: <http://www.dll.com.vn>

Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Bán bán hàng tiêu dùng (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, bán buôn nông sản (trừ mủ cao su) (không hoạt động tại trụ sở chính) (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ gỗ);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán phân bón, bán buôn cao su thành phẩm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn cà phê;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (không hoạt động đấu giá);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Trồng rừng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Chi tiết: Chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ thương mại;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống);
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: May thêu công nghiệp;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới. Chi tiết: Dệt các loại dây phục vụ ngành may như: Dây luồn áo, dây cột giày, dây lõi để dệt dây khóa kéo;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; Hoạt động của các ngầm đường thủy.

Nhân sự

Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến năm tài chính là 80 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 16 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tường Cột | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 27/04/2018 |
| • Ông Nguyễn Tuyển | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2018 |
| • Ông Hồ Hoàng Đức Huy | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2018 |
| • Ông Chu Sỹ Hoạt | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2018 |
| • Ông Lý Duy Anh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/04/2018 |
| | | Từ nhiệm ngày 08/01/2019 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Võ Sỹ Việt | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2018 |
| • Bà Trần Thị Kim Cúc | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2018 |
| • Ông Vũ Văn Nghĩa | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2018 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Tường Cột | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/05/2016 |
| • Ông Chu Sỹ Hoạt | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/05/2016 |
| • Ông Phạm Tiến Dũng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14/05/2010 |
| • Bà Hà Thị Phương Oanh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 21/12/2007 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Tường Cột

Gia Lai, ngày 10 tháng 04 năm 2019



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 685/2019/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 07/04/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Đỗ Thị Phụng Thủy - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2019-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.769.879.858.677	1.975.578.740.880
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.536.462.831	100.595.929.464
1. Tiền	111	6	6.536.462.831	29.343.404.263
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	71.252.525.201
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.234.613.294.552	1.416.002.691.457
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	174.940.816.387	127.829.920.866
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	941.565.717.935	1.221.936.843.306
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9.a	42.062.000.000	55.378.504.900
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	76.190.751.110	11.003.413.265
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(145.990.880)	(145.990.880)
IV. Hàng tồn kho	140	12	515.037.073.913	450.946.858.819
1. Hàng tồn kho	141		515.037.073.913	450.946.858.819
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.693.027.381	8.033.261.140
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	189.172.435	321.630.279
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.874.468.521	7.710.630.861
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	2.629.386.425	1.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		618.533.466.259	351.139.114.825
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		547.181.980.263	271.071.586.702
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9.b	517.703.516.223	241.593.122.662
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	29.478.464.040	29.478.464.040
II. Tài sản cố định	220		20.025.849.692	22.648.851.481
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	19.970.057.222	22.579.120.261
- Nguyên giá	222		38.326.898.119	40.619.269.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.356.840.897)	(18.040.149.288)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	55.792.470	69.731.220
- Nguyên giá	228		170.135.000	170.135.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(114.342.530)	(100.403.780)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		51.325.636.304	57.418.676.642
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	314.433.188	659.732.330
2. Lợi thế thương mại	269	16	51.011.203.116	56.758.944.312
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.388.413.324.936	2.326.717.855.705

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A. Nợ phải trả	300		1.315.409.435.894	1.269.940.541.486
I. Nợ ngắn hạn	310		754.329.519.091	444.849.009.617
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	42.726.099.032	49.056.560.453
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18.a	223.631.917.571	88.399.563.000
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	19	6.170.477.714	3.025.951.335
4. Phải trả người lao động	314		771.565.830	860.631.275
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	23.254.248.820	7.176.129.237
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	21.950.000	36.043.434
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22.a	29.638.281.875	14.998.079.908
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23.a	427.354.518.182	280.468.790.908
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		760.460.067	827.260.067
II. Nợ dài hạn	330		561.079.916.803	825.091.531.869
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	18.b	71.657.462.519	308.527.587.689
2. Phải trả dài hạn khác	337	22.b	300.000.000.000	495.078.970.607
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23.b	189.422.454.284	21.484.973.573
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.073.003.889.042	1.056.777.314.219
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	1.073.003.889.042	1.056.777.314.219
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	1.011.773.530.000	1.011.773.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.011.773.530.000	1.011.773.530.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	24	1.049.485.820	1.049.485.820
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	24	663.498.805	663.498.805
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	44.584.294.339	26.460.400.370
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		26.460.400.370	11.665.272.995
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.123.893.969	14.795.127.375
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		14.933.080.078	16.830.399.224
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.388.413.324.936	2.326.717.855.705



Giám đốc

(Handwritten signature)

Nguyễn Tường Cột

Gia Lai, ngày 07 tháng 04 năm 2019

Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

(Handwritten signature)

Hà Thị Phương Oanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
 KINH DOANH HỢP NHẤT**
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 - DN
 Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	184.438.455.334	233.290.966.243
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		184.438.455.334	233.290.966.243
4. Giá vốn hàng bán	11	26	172.715.240.214	215.700.207.816
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		<u>11.723.215.120</u>	<u>17.590.758.427</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	62.943.319.689	11.899.288.630
7. Chi phí tài chính	22	28	16.954.494.622	2.968.812.854
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>16.954.494.622</i>	<i>2.968.812.854</i>
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, I.doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	29.a	1.248.812.652	1.233.848.535
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	9.040.976.847	4.532.893.672
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>47.422.250.688</u>	<u>20.754.491.996</u>
12. Thu nhập khác	31	30	1.626.202.384	1.263.080.212
13. Chi phí khác	32	31	23.708.748.869	1.564.360.886
14. Lợi nhuận khác	40		<u>(22.082.546.485)</u>	<u>(301.280.674)</u>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>25.339.704.203</u>	<u>20.453.211.322</u>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	6.667.628.874	5.709.529.898
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(260.072.018)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>18.672.075.329</u>	<u>15.003.753.442</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		18.114.365.216	14.795.127.375
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		557.710.113	208.626.067
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	179	533
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		179	533



Nguyễn Tường Cột

Gia Lai, ngày 07 tháng 04 năm 2019

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 - DN
 Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.339.704.203	20.453.211.322
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02		8.370.742.985	4.266.555.896
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	27, 30	(63.170.592.414)	(11.899.288.630)
- Chi phí lãi vay	06	28	16.954.494.622	2.968.812.854
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		(12.505.650.604)	15.789.291.442
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(90.229.690.873)	(56.869.096.122)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(132.641.924.403)	(15.259.250.955)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		72.357.971.579	110.957.602.418
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		477.756.986	204.737.030
- Tiền lãi vay đã trả	14	21, 23, 28	(12.463.180.754)	(1.995.175.694)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	20	(3.545.745.320)	(3.183.211.696)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(66.800.000)	(65.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(178.617.263.389)	49.579.296.423
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		227.272.725	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	9	(586.234.385.239)	(109.990.300.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	9	145.144.185.335	45.956.253.077
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(748.420.550.112)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		198.697.394.456	(15.176.530)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10, 27	7.445.485.194	5.457.858.025
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(234.720.047.529)	(807.011.915.540)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	23	(150.150.000)	842.792.550.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	24	676.026.850.092	24.211.869.089
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	24	(356.598.855.807)	(12.460.370.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		319.277.844.285	854.544.049.089
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(94.059.466.633)	97.111.429.972
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6	100.595.929.464	3.484.499.492
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6	6.536.462.831	100.595.929.464



Nguyễn Tường Cợt

Gia Lai, ngày 07 tháng 04 năm 2019

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900437257 ngày 21/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 16 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/11/2017). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ vận chuyển hành khách; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ; Mua bán đá, phân bón, nông sản; Kinh doanh bất động sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Bán buôn hàng tiêu dùng (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, bán buôn nông sản (trừ mù cao su) (không hoạt động tại trụ sở chính) (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ gỗ);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán phân bón, bán buôn cao su thành phẩm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn cà phê;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (không hoạt động đấu giá);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Trồng rừng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Chi tiết: Chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ thương mại;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống);
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: May thêu công nghiệp;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới. Chi tiết: Dệt các loại dây phục vụ ngành may như: Dây luồn áo, dây cột giày, dây lõi để dệt dây khóa kéo;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; Hoạt động của các ngầm đường thủy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập bao gồm Công ty mẹ và 3 Công ty con. Tất cả các công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất. Thông tin về tái cấu trúc Công ty: Trong kỳ, Công ty thoái vốn tại Công ty TNHH SX-TMDV Đồng Phú Hưng ngày 06/06/2018.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất (gồm 3 công ty)

1. Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không mua bán gỗ); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Mua bán phân bón); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long

- Địa chỉ trụ sở chính: 149 – 151 đường 9A KDC Trung Sơn, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh Bất động sản.
- Vốn điều lệ: 800.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98,5%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98,5%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

3. Công ty TNHH SX – TMDV Đồng Phú Hưng

- Địa chỉ trụ sở chính: 149 – 151 đường 9A KDC Trung Sơn, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng nhà các loại; Đại lý, môi giới, đấu giá; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Trồng cây lâu năm khác; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Sản xuất các loại dây bện và lưới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- o Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98,787%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98,787%.
- o Tình trạng hoạt động: Thoái vốn ngày 06/06/2018.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.
Đơn vị tiền tệ dùng để ghi số kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty mẹ và các công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Loại trừ các giao dịch nội bộ

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 48
Phương tiện vận tải	4,5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	Hết khấu hao

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	8

4.8 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Khoản chi phí phải trả của Công ty gồm chi phí lãi vay được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay và khoản chi phí tư vấn phát hành phải trả.

4.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.19 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Hoạt động vận tải khách bằng xe buýt, kinh doanh phân bón, hoạt động nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế;
- ✓ Hoạt động kinh doanh đá, các dịch vụ khác (cho thuê bãi, dịch vụ bến, bến đỗ, cho thuê xe...): Áp dụng thuế suất 10%;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Điều chỉnh hồi tố

Công ty CP Đầu tư – Xây dựng Vạn Gia Long (Công ty con) đã điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính năm 2017 theo Biên bản kiểm tra của Đoàn kiểm toán Ngân sách địa phương của Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất, cũng thực hiện điều chỉnh hồi tố như sau:

Mã số	Số liệu tại ngày		Chênh lệch VND	Ghi chú
	31/12/2017 VND	31/12/2017 VND		
Bảng cân đối kế toán				
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	25.696.912.713	7.710.630.861	(17.986.281.852) (*)
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	326.513.869.541	308.527.587.689	(17.986.281.852) (*)

Mã số	Năm 2017		Chênh lệch VND	Ghi chú
	Năm 2017 VND	Năm 2017 VND		
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
1. Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(74.855.377.974)	(56.869.096.122)	17.986.281.852 (*)
2. Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	128.943.884.270	110.957.602.418	(17.986.281.852) (*)

(*) Điều chỉnh giảm khoản mục “Thuế GTGT được khấu trừ” và “Người mua trả tiền trước dài hạn” do ghi nhận bổ sung thuế GTGT phải nộp đối với số tiền thu đặt cọc của khách hàng.

Đơn vị tính: VND

6. Tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	4.866.678.764	4.983.802.967
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.669.784.067	24.359.601.296
Cộng	6.536.462.831	29.343.404.263

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
Bùi Văn Tịnh (*)	48.857.214.328	48.857.214.328
Nguyễn Minh Tuấn (*)	30.535.764.012	30.535.764.012
Trần Xuân Sang (*)	42.750.057.480	42.750.057.480
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	17.289.180.000	2.314.812.848
Các đối tượng khác	35.508.600.567	3.372.072.198
Cộng	174.940.816.387	127.829.920.866

(*) Đây là các khoản nợ phải thu các cá nhân liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty con là Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên vào ngày 28/12/2017. Thời hạn phải thanh toán theo hợp đồng là 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Các phụ lục hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 10/03/2019 gia hạn thời gian thanh toán đến ngày 12/06/2019.

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Chung cổ đông lớn	17.289.180.000	2.314.812.848
Cộng		17.289.180.000	2.314.812.848

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Nguyễn Thanh Lâm (1)	379.550.000.000	390.050.000.000
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát (1)	300.000.000.000	300.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai (2)	176.162.416.329	47.135.122.092
Công ty CP ĐTXD & TM ANSEN CY	-	100.000.000.000
Công ty CP DLG CY Việt Nam	-	275.000.000.000
Các đối tượng khác	85.853.301.606	109.751.721.214
Cộng	941.565.717.935	1.221.936.843.306

(1) Đây là các khoản trả trước cho người bán liên quan đến dự án Khu nhà ở cao tầng Đức Long The Elysium, cụ thể:

- Trả trước cho Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát theo Hợp đồng thi công xây dựng số 11/HĐXD/VGL-DLG.VGP ngày 08/03/2018 về việc thi công phần móng cọc và tầng hầm khu nhà ở cao tầng Đức Long The Elysium tại Lô B2 Nam Phú Nhuận, Đường Gò Ô Môi, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trả trước cho ông Nguyễn Thanh Lâm để nhận chuyển nhượng các quyền sử dụng đất liên quan đến dự án trên, bao gồm các hợp đồng:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 02/2017/HĐ.CNQSDĐ ngày 14/08/2017 tại Khu đất Dự án đường Gò Ô Môi, phường Phú Thuận, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Hợp đồng đặt cọc về việc hứa chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 03/HĐ-ĐCHMHB ngày 02/06/2018 tại Khu đất Dự án đường Gò Ô Môi, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và Biên bản thỏa thuận hứa mua bán đất tại Khu đất dự án đường Gò Ô Môi, phường Phú Thuận, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/06/2018 giữa ông Nguyễn Thanh Lâm, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long và ông Bùi Pháp.

Cho đến nay, dự án vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện hồ sơ pháp lý và chưa được triển khai thực hiện.

(2) Công ty trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai liên quan đến dự án Trung tâm thương mại và dịch vụ cao cấp Sunshine Apartment theo các hợp đồng:

- Hợp đồng thi công xây dựng số 01/2017/HĐXD/VGL-DLGL.CIN ngày 01/04/2017 và Phụ lục Hợp đồng số 1A/2018/VGL-DLGL ngày 15/07/2018 về thi công phần móng, hầm, thân và xây tô;

- Hợp đồng thi công xây lắp số 17/2018/HĐXD/VGL-DLGL.CIN ngày 28/03/2018 về tổng thầu hạng mục hoàn thiện;

- Hợp đồng thi công xây lắp số 18/2018/HĐXD/VGL-DLGL.CIN ngày 30/03/2018 về tổng thầu hạng mục cung cấp vật tư, thiết bị và thi công hệ thống điện và hệ thống nước (M&E).

Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Chung cổ đông lớn	1.972.840.008	-
Cộng		1.972.840.008	-

9. Phải thu về cho vay

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Phùng Ngọc Cảnh	13.739.000.000	10.645.000.000
Trần Bửu Kiều	14.438.000.000	9.938.000.000
Trần Thị Hồng	13.385.000.000	2.685.000.000
Đào Đức Hạnh	500.000.000	-
Hồ Thị Thu	-	7.840.000.000
Đặng Công Bình	-	7.470.504.900
Hồ Sĩ Hậu	-	16.800.000.000
Cộng	42.062.000.000	55.378.504.900

(*) Cho các cá nhân mượn tiền không có tài sản thế chấp theo các hợp đồng cho mượn tiền cụ thể. Thời gian cho mượn trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho mượn từ 0% - 9,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất (1)	165.020.000.000	-
Phạm Mai Linh (2)	17.700.000.000	-
Y Gia Nhi (3)	15.320.000.000	-
Lý Văn Vũ (4)	100.000.000.000	-
Đồng Nguyễn Thái Bảo (5)	190.000.000.000	-
Nguyễn Tấn Đạt (6)	21.054.200.668	216.590.423.247
Các đối tượng khác	8.609.315.555	25.002.699.415
Cộng	<u>517.703.516.223</u>	<u>241.593.122.662</u>

- (1) Cho Công ty TNHH Đức Long Dung Quất mượn tiền theo Hợp đồng cho mượn tiền số 01/2018/HĐ ngày 15/04/2018, lãi suất 9,5%/năm. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- (2) Cho ông Phạm Mai Linh mượn tiền theo Hợp đồng cho mượn tiền số 02/2018/HĐ ngày 01/06/2018, lãi suất 9,6%/năm. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- (3) Cho bà Y Gia Nhi mượn tiền theo Hợp đồng cho mượn số 03/2018/HĐ ngày 01/10/2018 với lãi suất cho mượn là 9,6%/năm, thời hạn cho mượn là 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- (4) Cho ông Lý Văn Vũ vay theo Hợp đồng số 11/HĐV/VGL/2018/VŨ ngày 02/01/2018, lãi suất cho vay là 8%/năm. Thời hạn cho vay là 3 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng.
- (5) Cho ông Đồng Nguyễn Thái Bảo vay theo Hợp đồng số 10/HĐV/VGL/2018/BẢO ngày 02/01/2018, lãi suất cho vay là 7%/năm và Phụ lục hợp đồng số 18.PLHDV/VGL/2018/BẢO ngày 01/07/2018, lãi suất cho vay là 8%/năm. Thời hạn cho vay là 3 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng.
- (6) Cho ông Nguyễn Tấn Đạt vay theo Hợp đồng số 01/HĐV/VGL/2018/ĐẠT ngày 01/01/2018, lãi suất cho vay là 7%/năm.

Tất cả các khoản cho vay, mượn tiền đều không có tài sản đảm bảo.

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	34.000.000	-	-	-
Phải thu về tiền đặt cọc căn hộ (Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh BĐS ĐLGL)	32.630.451.300	-	-	-
Phải thu ông Lê Phú Hà	145.990.880	(145.990.880)	145.990.880	(145.990.880)
Lãi dự thu	41.903.658.171	-	9.013.781.335	-
Tạm ứng	522.374.529	-	1.344.073.982	-
Phải thu khác	954.276.230	-	499.567.068	-
Cộng	<u>76.190.751.110</u>	<u>(145.990.880)</u>	<u>11.003.413.265</u>	<u>(145.990.880)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	29.478.464.040	-	29.478.464.040	-
Cộng	29.478.464.040	-	29.478.464.040	-

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	145.990.880	145.990.880
Cộng	145.990.880	145.990.880

b. Nợ xấu

	31/12/2018			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khác - Lê Phú Hà	145.990.880	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Cộng	145.990.880	-		

	01/01/2018			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khác - Lê Phú Hà	145.990.880	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Cộng	145.990.880	-		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào giá gốc khoản phải thu trừ đi mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	515.037.073.913	-	450.946.858.819	-
Cộng	515.037.073.913	-	450.946.858.819	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2018.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại ngày 31/12/2018 là 500.989.375.834 đồng.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Vé, hóa đơn GTGT kiêm lệnh xuất kho	31.318.182	69.690.909
Chi phí lớp, sảm yếm ô tô	99.241.111	142.143.611
Chi phí bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm thân thể	35.981.232	67.845.548
Chi phí định vị, bảo trì phần mềm, phí đường bộ	11.407.410	11.106.710
Chi phí sửa chữa	-	18.933.918
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	11.224.500	11.909.583
Cộng	189.172.435	321.630.279

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	216.731.015	372.561.828
Chi phí sửa chữa lớn	97.702.173	287.170.502
Cộng	314.433.188	659.732.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	26.761.996.873	13.789.872.676	67.400.000	40.619.269.549
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	2.292.371.430	-	2.292.371.430
Số cuối kỳ	26.761.996.873	11.497.501.246	67.400.000	38.326.898.119
Khấu hao				
Số đầu kỳ	10.569.850.663	7.402.898.625	67.400.000	18.040.149.288
Khấu hao trong kỳ	1.338.188.120	1.270.874.919	-	2.609.063.039
Giảm trong kỳ	-	2.292.371.430	-	2.292.371.430
Số cuối kỳ	11.908.038.783	6.381.402.114	67.400.000	18.356.840.897
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	16.192.146.210	6.386.974.051	-	22.579.120.261
Số cuối kỳ	14.853.958.090	5.116.099.132	-	19.970.057.222

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2018 là 4.815.964.130 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 2.667.618.450 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	170.135.000	170.135.000
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	170.135.000	170.135.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	100.403.780	100.403.780
Khấu hao trong kỳ	13.938.750	13.938.750
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	114.342.530	114.342.530
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	69.731.220	69.731.220
Số cuối kỳ	55.792.470	55.792.470

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2018.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 58.625.000 đồng.

16. Lợi thế thương mại

	31/12/2018	01/01/2018
Lợi thế thương mại đầu kỳ	56.758.944.312	1.245.778.465
Lợi thế thương mại phát sinh trong kỳ	-	57.477.411.962
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	5.747.741.196	1.964.246.115
Lợi thế thương mại cuối kỳ	51.011.203.116	56.758.944.312

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty Cổ phần ĐT và KD BĐS Đức Long Gia Lai	14.203.775.087	-
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	20.919.007.652	22.881.260.144
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	-	21.012.150.250
Các đối tượng khác	7.603.316.293	5.163.150.059
Cộng	42.726.099.032	49.056.560.453

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Chung cổ đông lớn	20.919.007.652	22.881.260.144
Công ty Cổ phần ĐT và KD BĐS Đức Long Gia Lai	Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	14.203.775.087	-
Cộng		35.122.782.739	22.881.260.144

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Người mua trả tiền trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP XD và KD địa ốc Tân Kỳ	7.997.563.000	7.997.563.000
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	1.299.679.552	402.000.000
Các đối tượng khác	214.334.675.019	80.000.000.000
Cộng	223.631.917.571	88.399.563.000

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Các đối tượng đặt cọc mua căn hộ	71.657.462.519	308.527.587.689
Cộng	71.657.462.519	308.527.587.689

Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Chung cổ đông lớn	1.299.679.552	402.000.000
Cộng		1.299.679.552	402.000.000

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ phải trả	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Thay đổi do hợp nhất	Số cuối kỳ Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	95.897.426	1.345.365.877	1.290.706.372	-	-	150.556.931
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.912.932.353	6.667.628.874	3.545.745.320	(25.725.834)	-	6.009.090.073
Thuế thu nhập cá nhân	17.121.556	100.666.409	105.052.658	(1.904.597)	-	10.830.710
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	-	729.000.000	3.358.386.425	-	2.629.386.425	-
Các loại thuế khác	(1.000.000)	42.522.590	41.522.590	-	-	-
Cộng	3.024.951.335	8.885.183.750	8.341.413.365	(27.630.431)	2.629.386.425	6.170.477.714

(*) Đây là tiền thuê đất Công ty đã tạm nộp theo Thông báo số 325/TB-CCT ngày 23/04/2018 của Chi Cục Thuế Pleiku. Theo thông báo thì Công ty phải nộp tiền thuê đất cho phần diện tích đất xây dựng Bến xe tải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

là 30.904,5m². Tuy nhiên, trong tổng diện tích này có 20.904,5m² đã được Công ty xin chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất xây dựng Bến xe khách và đã được chấp thuận của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 26/08/2016 và Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 17/07/2018. Theo đó, Công ty xác định phần diện tích 20.904,5m² sử dụng cho bến xe khách sẽ được miễn tiền thuê đất theo Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16/04/2015 về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hoá đầu tư và khai thác bến xe khách của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, Công ty vẫn đang hoàn thiện các hồ sơ để được Cục thuế hoàn lại tiền thuê đất tạm nộp này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Trích trước tiền phạt vi phạm hợp đồng	18.527.735.976	133.333.333
Lãi vay phải trả	4.726.512.844	7.042.795.904
Cộng	23.254.248.820	7.176.129.237

21. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	21.950.000	36.043.434
Cộng	21.950.000	36.043.434

22. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN phải nộp	45.514.373	6.500.461
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.250.000.000	13.890.000.000
Phải trả khác	23.342.767.502	1.101.579.447
- Cổ tức phải trả	109.000	109.000
- Tiền đặt cọc thuê kiot, bến bãi, tiền cọc của nhân viên	351.619.940	343.849.940
- Lãi vay phải trả	6.515.925.773	92.523.742
- Phải trả về tiền đặt cọc căn hộ đã thanh lý	15.816.828.660	-
- Phải trả khác	658.284.129	665.096.765
Cộng	29.638.281.875	14.998.079.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	300.000.000.000	495.000.000.000
Lãi vay phải trả	-	78.970.607
Cộng	<u>300.000.000.000</u>	<u>495.078.970.607</u>

(*) Đây là khoản tiền nhận từ Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai theo các Hợp đồng đầu tư tài chính trung hạn số 01005/HĐĐTTC-DLG-VGL ngày 10/05/2016; Phụ lục Hợp đồng số 01005A/PLHĐĐTTC-DLGL-VGL ngày 12/05/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐĐTTC-DLGL-VGL ngày 30/11/2017. Theo đó, Công ty Cp Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long (Công ty con) đã hợp tác với Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai để đầu tư Dự án Trung tâm thương mại dịch vụ và căn hộ cao cấp Sunshine Apartment tại phường Tân Thuận Tây, quận 7, TP Hồ Chí Minh với tổng số tiền là 1.421 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư của Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai là 300 tỷ đồng. Thời hạn đầu tư là 03 năm, mức lợi nhuận được xác định bằng tỷ lệ phần trăm số tiền hợp tác đầu tư trên tổng vốn đầu tư nhân với tổng lợi nhuận.

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty Cổ phần ĐT và KD BĐS Đức Long Gia Lai	Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	300.000.000.000	495.000.000.000
Cộng		<u>300.000.000.000</u>	<u>495.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Thay đổi do hợp nhất	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	278.968.290.908	(13.500.000.000)	458.130.227.274	297.500.000.000	426.098.518.182
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	-	(13.500.000.000)	41.345.000.000	20.000.000.000	7.845.000.000
- Công ty TNHH Cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên	25.996.700.000	-	-	-	25.996.700.000
- Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp ĐLGL	-	-	170.000.000.000	-	170.000.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Nam Gia Lai	3.500.000.000	-	37.500.000.000	25.000.000.000	16.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	-	-	36.450.000.000	-	36.450.000.000
- Lâm Quốc Hoàng	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-
- Trái phiếu thường	249.471.590.908	-	170.335.227.274	250.000.000.000	169.806.818.182
Vay dài hạn đến hạn trả	1.500.500.000	-	1.168.000.000	1.412.500.000	1.256.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Gia Lai	12.500.000	-	-	12.500.000	-
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Sở Giao dịch	960.000.000	-	640.000.000	960.000.000	640.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Quận 4	528.000.000	-	528.000.000	440.000.000	616.000.000
Cộng	280.468.790.908	(13.500.000.000)	459.298.227.274	298.912.500.000	427.354.518.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Thay đổi do hợp nhất	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	22.985.473.573	8.895.213.700	217.896.622.818	59.098.855.807	190.678.454.284
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Gia Lai	12.500.000	-	-	12.500.000	-
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Sở Giao dịch (1)	1.600.000.000	-	-	960.000.000	640.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Quận 4 (2)	2.034.000.000	-	-	440.000.000	1.594.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (3)	-	-	193.590.000.000	22.574.690.343	171.015.309.657
- Công ty CP ĐT&KD Bất động sản Đức Long Gia Lai (4)	14.838.973.573	-	21.587.555.750	32.531.665.464	3.894.863.859
- Công ty TNHH SX - TM - DV Đồng Phú Hưng (5)	-	8.895.213.700	1.519.067.068	2.380.000.000	8.034.280.768
- Võ Thị Thu Hằng (6)	-	-	1.200.000.000	200.000.000	1.000.000.000
- Nguyễn Hoàng Giang (7)	4.500.000.000	-	-	-	4.500.000.000
Cộng	22.985.473.573	8.895.213.700	217.896.622.818	59.098.855.807	190.678.454.284
Trong đó:					
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	1.500.500.000				1.256.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21.484.973.573				189.422.454.284

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc dân – Sở giao dịch theo Hợp đồng tín dụng số 051/14/HĐTD/101-63 ngày 20/08/2014 để mua ô tô 4 chỗ Land Rover phục vụ mục đích đi lại và kinh doanh. Theo đó, tổng số tiền vay là 4.800.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 20/08/2014), lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,5%/năm, được thay đổi sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên hoặc khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay mà các thay đổi đó làm cho lãi suất vay (có thể được áp dụng theo quy định của pháp luật) tăng lên.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc Dân – Chi nhánh Quận 4 theo Hợp đồng tín dụng số 1027/16/HĐCV/101-40 ngày 04/11/2016. Số tiền vay là 2.650.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất vay là 9%/năm trong vòng 9 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện mua xe ô tô Porsche Macan 2.0L. Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng cầm cố số 976/2016/HĐTC/101-40 ngày 04/11/2016.
- Vay dài hạn Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai theo hợp đồng vay vốn số 03/2018/HĐVV ngày 22/04/2018, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất 9,5%/năm. Hạn mức vay là 200.000.000.000 đồng.
- Vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai theo Hợp đồng số 01/HDV/BDS/2018/VGL ngày 01/01/2018, hạn mức vay là 100.000.000.000 đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, không tài sản thế chấp với lãi suất vay là 7%/năm. Thời hạn vay tiền là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- (5) Vay Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Đồng Phú Hưng theo Hợp đồng số 02/HDV/DPH/2018/VGL ngày 01/01/2018, hạn mức vay là 100.000.000.000 đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, không tài sản thế chấp với lãi suất vay là 7%/năm. Thời hạn vay tiền là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng.
- (6) Vay dài hạn của bà Võ Thị Thu Hằng theo Hợp đồng số 03/HDV/VGL/2018/THUHANG ngày 01/01/2018, hạn mức vay là 100.000.000.000 đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, không tài sản thế chấp với lãi suất vay là 7%/năm. Thời hạn vay tiền là 3 năm kể từ ngày nhận nợ.
- (7) Vay ông Nguyễn Hoàng Giang theo Hợp đồng số 04/HDV/VGL/2017 ngày 01/01/2017, hạn mức vay là 10.000.000.000 đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, không tài sản thế chấp với lãi suất vay là 0%/năm. Thời hạn vay tiền là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

Trong đó: Vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Chung cổ đông lớn	178.860.309.657	-
Công ty CP ĐT&KD Bất động sản Đức Long Gia Lai	Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	3.894.863.859	14.838.973.573
Công ty TNHH SX - TM - DV Đồng Phú Hưng	Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	8.034.280.768	-
Cộng		190.789.454.284	14.838.973.573

24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	168.924.880.000	1.255.735.820	663.498.805	11.665.272.995	182.509.387.620
Tăng trong kỳ	842.848.650.000	-	-	14.795.127.375	857.643.777.375
Giảm trong kỳ	-	206.250.000	-	-	206.250.000
Số dư tại 31/12/2017	1.011.773.530.000	1.049.485.820	663.498.805	26.460.400.370	1.039.946.914.995
Số dư tại 01/01/2018	1.011.773.530.000	1.049.485.820	663.498.805	26.460.400.370	1.039.946.914.995
Tăng trong kỳ	-	-	-	18.123.893.969	18.123.893.969
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	1.011.773.530.000	1.049.485.820	663.498.805	44.584.294.339	1.058.070.808.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2018	Năm 2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	1.011.773.530.000	168.924.880.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	842.848.650.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	1.011.773.530.000	1.011.773.530.000
Cổ tức đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	101.177.353	101.177.353
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	101.177.353	101.177.353
- Cổ phiếu phổ thông	101.177.353	101.177.353
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	101.177.353	101.177.353
- Cổ phiếu phổ thông	101.177.353	101.177.353
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	26.460.400.370	11.665.272.995
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	18.114.365.216	14.795.127.375
Các khoản điều chỉnh tăng khác	9.528.753	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	44.584.294.339	26.460.400.370

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	7.881.345.365	13.032.932.184
Doanh thu dịch vụ bến bãi	12.378.879.424	15.534.642.368
Doanh thu bán đầu nạnh	2.067.120.000	11.582.827.000
Doanh thu bán đá	99.918.166.000	145.181.650.191
Doanh thu bán phân bón	26.529.220.000	46.886.214.500
Doanh thu công trình xây lắp	35.663.724.545	1.072.700.000
Cộng	184.438.455.334	233.290.966.243

26. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	7.013.969.632	7.008.733.209
Giá vốn dịch vụ bến bãi	4.323.999.573	4.976.193.273
Giá vốn bán đầu nạnh	2.055.375.000	11.481.600.000
Giá vốn bán đá	99.672.033.100	144.361.556.334
Giá vốn bán phân bón	26.518.520.000	46.841.125.000
Giá vốn công trình xây lắp	33.131.342.909	1.031.000.000
Cộng	172.715.240.214	215.700.207.816

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	44.757.646.158	9.303.786.588
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	18.185.673.531	2.595.502.042
Cộng	62.943.319.689	11.899.288.630

28. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí lãi vay	16.954.494.622	2.968.812.854
Cộng	16.954.494.622	2.968.812.854

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân công	1.202.578.247	1.188.873.531
Các khoản khác	46.234.405	44.975.004
Cộng	1.248.812.652	1.233.848.535

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2018	Năm 2017
Phân bổ lợi thế thương mại	5.747.741.196	853.146.403
Chi phí nhân công	2.010.185.834	1.897.054.848
Chi phí khấu hao	611.196.999	819.598.962
Các khoản khác	671.852.818	963.093.459
Cộng	9.040.976.847	4.532.893.672

30. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	227.272.725	-
Lãi từ giao dịch mua rẻ công ty con	-	1.044.567.968
Phí chuyển nhượng căn hộ	1.053.200.000	167.000.000
Các khoản thu nhập khác	345.729.659	51.512.244
Cộng	1.626.202.384	1.263.080.212

31. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
Các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp	278.351.988	613.851.334
Phạt vi phạm hợp đồng	23.089.392.558	729.157.718
Các khoản khác	341.004.323	221.351.834
Cộng	23.708.748.869	1.564.360.886

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.339.704.203	20.453.211.322
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	7.998.440.164	699.817.228
- Điều chỉnh tăng	7.998.440.164	2.948.194.935
+ Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	315.798.988	253.364.115
+ Phân bổ lợi thế thương mại	5.747.741.196	853.146.403
+ Lãi do thoái vốn công ty con	1.571.706.469	192.514.379
+ Điều chỉnh dự phòng đã trích lập/ hoàn nhập	-	1.300.360.089
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	363.193.511	348.809.949
- Điều chỉnh giảm (Chuyển lỗ của công ty con)	-	2.248.377.707
+ Lãi từ giao dịch mua rẻ công ty con	-	1.044.567.968
+ Lãi do thoái vốn công ty con	-	2.595.502.042
+ Chuyển lỗ của công ty con	-	(1.391.692.303)
Tổng thu nhập chịu thuế	33.338.144.367	21.153.028.550
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.667.628.874	5.709.529.898
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	6.667.628.874	4.230.605.709
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	1.478.924.189

33. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	18.114.365.216	14.795.127.375
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.114.365.216	14.795.127.375
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	101.177.353	27.745.608
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	179	533

(*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi. Kế hoạch đại hội cổ đông của Công ty không quy định tỷ lệ trích cụ thể. Hằng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đạt được, Ban điều hành sẽ đề xuất số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.189.695.920	3.167.013.448
Chi phí nhân công	8.264.987.648	5.516.109.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.623.001.789	4.457.977.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.543.653.372	16.495.478.639
Chi phí khác bằng tiền	8.782.246.091	2.971.277.586
Cộng	147.403.584.820	32.607.857.075

35. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận phân biệt theo lĩnh vực kinh doanh:

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh	Dịch vụ vận chuyển và bến bãi		Bán đá		Bán đấu mảnh, phần bón		Hoạt động khác		Cộng	
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.260.224.789	28.567.574.552	99.918.166.000	145.181.650.191	28.596.340.000	58.469.041.500	35.663.724.545	1.072.700.000	184.438.455.334	233.290.966.243
Giá vốn hàng bán	11.337.969.205	11.984.926.482	99.672.033.100	144.361.556.334	28.573.895.000	58.322.725.000	33.131.342.909	1.031.000.000	172.715.240.214	215.700.207.816
Lợi nhuận gộp của bộ phận kinh doanh	8.922.255.584	16.582.648.070	246.132.900	820.093.857	22.445.000	146.316.500	2.532.381.636	41.700.000	11.723.215.120	17.590.758.427
Doanh thu HĐ tài chính không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	62.943.319.689	11.899.288.650
Chi phí tài chính không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	16.954.494.622	2.968.812.854
Chi phí bán hàng	1.154.701.756	1.147.011.498	94.110.896	86.837.037	-	-	-	-	1.248.812.652	1.233.848.535
Chi phí quản lý DN không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	9.040.976.847	4.532.893.672
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	7.767.553.828	15.435.636.572	152.022.004	733.256.820	22.445.000	146.316.500	2.532.381.636	-	47.422.250.688	20.754.491.996
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản cố định hữu hình	17.498.595.599	19.432.085.610	-	-	-	-	2.471.461.623	3.147.034.651	19.970.057.222	22.579.120.261
- Nguyên giá	34.382.599.937	36.674.971.367	-	-	-	-	3.944.298.182	3.944.298.182	38.326.898.119	40.619.269.549
- Hao mòn lũy kế	(16.884.004.338)	(17.242.885.757)	-	-	-	-	(1.472.836.559)	(797.263.531)	(18.356.840.897)	(18.040.149.288)
Tài sản cố định vô hình	55.792.470	69.731.220	-	-	-	-	-	-	55.792.470	69.731.220
- Nguyên giá	170.135.000	170.135.000	-	-	-	-	-	-	170.135.000	170.135.000
- Hao mòn lũy kế	(114.342.530)	(100.403.780)	-	-	-	-	-	-	(114.342.530)	(100.403.780)
Phải thu khách hàng	882.408.828	800.460.198	17.394.757.000	-	818.032.000	4.886.424.848	155.845.618.559	122.143.035.820	174.940.816.387	127.829.920.866
Trá trước cho người bán	1.979.068.008	-	4.282.461.090	-	-	-	935.304.188.837	1.221.936.843.306	941.565.717.935	1.221.936.843.306
Phải trả người bán	124.133.227	411.024.719	-	21.012.150.250	-	1.324.692.500	42.601.965.805	26.308.692.984	42.726.099.032	49.056.560.453
Người mua trả tiền trước	-	402.000.000	1.299.679.552	-	-	-	293.989.700.538	396.525.150.689	295.289.380.090	396.927.150.689

11/11/18 11/11/18

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa đầu vào. Nguyên liệu đầu vào của công ty chủ yếu là xăng dầu và các sản phẩm liên quan đến việc sửa chữa thay thế các bộ phận của xe vận chuyển. Hàng hóa của Công ty là các sản phẩm đá, đậu nành, phân bón. Giá bán xăng dầu không có sự chênh lệch giữa các nhà cung cấp. Đối với việc sửa chữa thay thế các bộ phận của xe vận chuyển, Công ty có chính sách khảo sát giá của nhiều nhà cung cấp khác nhau, sau đó lựa chọn nhà cung cấp phù hợp. Đối với hàng hóa (đá, đậu nành, phân bón), Công ty thực hiện ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa nguồn cung cấp của Công ty. Do đó, Ban Giám đốc Công ty nhận thấy rủi ro trọng yếu đối với việc thay đổi giá nguyên vật liệu, hàng hóa đầu vào là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Cụ thể, rủi ro đối với các khoản phải thu từ hoạt động xây lắp là tương đối cao do chịu ảnh hưởng chung từ khó khăn hiện nay của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; rủi ro đối với các khoản phải thu từ bán hàng hóa với các khách hàng thường xuyên là tương đối thấp. Để quản lý rủi ro này, Công ty luôn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

Tiền gửi ngắn hạn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín và được bảo hiểm tiền gửi.

Các khoản đầu tư được Ban Giám đốc quan tâm và thường xuyên theo dõi tình hình kinh doanh của các công ty đầu tư, đối với các công ty có kết quả kinh doanh lỗ, vốn chủ sở hữu tổn thất thì Công ty đã trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đối với các khoản cho cá nhân và tổ chức vay, công ty luôn có chính sách tín dụng phù hợp, thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>31/12/2018</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	42.726.099.032	-	42.726.099.032
Chi phí phải trả	23.254.248.820	-	23.254.248.820
Vay và nợ thuê tài chính	427.354.518.182	189.422.454.284	616.776.972.466
Phải trả khác	29.592.767.502	300.000.000.000	329.592.767.502
Cộng	522.927.633.536	489.422.454.284	1.012.350.087.820
<u>01/01/2018</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	49.056.560.453	-	49.056.560.453
Chi phí phải trả	7.176.129.237	-	7.176.129.237
Vay và nợ thuê tài chính	280.468.790.908	21.484.973.573	301.953.764.481
Phải trả khác	14.991.579.447	495.078.970.607	510.070.550.054
Cộng	351.693.060.045	516.563.944.180	868.257.004.225

Ban Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản cao nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.536.462.831	-	6.536.462.831
Phải thu khách hàng	174.940.816.387	-	174.940.816.387
Phải thu về cho vay	42.062.000.000	517.703.516.223	559.765.516.223
Phải thu khác	75.522.385.701	29.478.464.040	105.000.849.741
Cộng	299.061.664.919	547.181.980.263	846.243.645.182

01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.595.929.464	-	100.595.929.464
Phải thu khách hàng	127.829.920.866	-	127.829.920.866
Phải thu về cho vay	55.378.504.900	241.593.122.662	296.971.627.562
Phải thu khác	9.513.348.403	29.478.464.040	38.991.812.443
Cộng	293.317.703.633	271.071.586.702	564.389.290.335

37. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Chung cổ đông lớn

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2018	Năm 2017
Bán hàng			
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Cho thuê xe	381.818.184	381.818.184
	Bán đá	42.269.496.000	144.325.163.500
	Thi công công trình	19.235.724.545	1.072.700.000
Mua hàng			
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Thuê xe buýt	480.000.000	480.000.000
	Thuê ki ốt	1.056.000.000	1.056.000.000
	Mua đậu nành	2.055.375.000	11.481.600.000
Giao dịch khác			
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Thanh lý khoản đầu tư	197.573.800.000	-
	Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	18.185.673.531	-
	Lãi vay phải trả	12.245.593.160	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lương Ban Giám đốc	359.976.462	479.934.948

38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

39. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại mục số 5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Tường Cột

Gia Lai, ngày 07 tháng 04 năm 2019

Kê toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh